

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG BẮC NINH**

KỶ YẾU HỘI THẢO

**Phương pháp giảng dạy tiếng Anh theo
Đề án tích hợp môn học tiếng Anh với chương
trình nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên
Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh**

Bắc Ninh, 2023

TÀI LIỆU GỒM:

1.	Phương pháp dạy học tiếng Anh hiệu quả	Trung tâm NNTH- BCEC
2.	Phương pháp rèn kỹ năng nghe, nói tiếng Anh	Nguyễn Thị Phương, Giảng viên Trung tâm NNTH- BCEC
3.	Phương pháp rèn kỹ năng đọc, viết tiếng Anh	Nguyễn Thị Tuyết, Giảng viên Trường CD ngoại ngữ Việt-Nhật
4.	Một số kinh nghiệm xây dựng bài giảng tiếng Anh	Nguyễn Thị Liên, Giảng viên Trung tâm NNTH- BCEC
5.	Bài học kinh nghiệm từ việc giao bài tự học tiếng Anh cho sinh viên	Chu Thị Toan, Giảng viên Trung tâm NNTH- BCEC
6.	Kinh nghiệm xây dựng kế hoạch học tập và kế hoạch đánh giá năng lực tiếng Anh của sinh viên	Nguyễn Thị Minh, Giảng viên Trung tâm NNTH- BCEC
7.	Tạo động lực học tiếng Anh, thực trạng và giải pháp	Trương Hồng Uyên, Giảng viên Trung tâm NNTH- BCEC
8.	Kinh nghiệm xây dựng đề kiểm tra đánh giá cuối khóa học.	Cao Thị Tú
9.	Giải pháp tổ chức đào tạo tăng cường năng lực ngoại ngữ cho sinh viên.	Trần Đình Luận, Giảng viên Trung tâm NNTH- BCEC
10.	Trao đổi về giảng dạy tiếng Anh online	Trung tâm NNTH- BCEC
11.	Làm thế nào để có kỹ năng dạy giao tiếp tiếng Anh hiệu quả	Trung tâm NNTH- BCEC

PHƯƠNG PHÁP DẠY TIẾNG ANH HIỆU QUẢ

Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học- BCEC

I. Khái niệm phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học có thể được hiểu là cách thức truyền tải & sự tương tác chung giữa giáo viên và học sinh trong một điều kiện dạy và học nhất định, nhằm thực hiện tối ưu các mục tiêu và nhiệm vụ của việc dạy học.

Để đạt được mục tiêu dạy học, giáo viên phải lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp. Tùy thuộc vào nội dung bài học/kỹ năng và trình độ học viên, giáo viên có thể tùy chỉnh, đôi khi cần kết hợp phương pháp dạy học. Hiệu quả của phương pháp dạy học phụ thuộc một phần quan trọng vào sự lựa chọn, tùy chỉnh và kết hợp đó.

Ví dụ: trong một buổi học tiếng Anh, để bao quát được các phần kiến thức về ngữ pháp, học từ vựng và kỹ năng Speaking, giáo viên có thể kết hợp phương pháp truyền thống (dạy ngữ pháp và dịch), kết hợp phương pháp trò chơi để học từ vựng và phương pháp chia nhóm thảo luận để người học có cơ hội giao tiếp tăng kỹ năng speaking.

Để đảm bảo hiệu quả của việc lựa chọn (và kết hợp) phương pháp dạy học, chúng ta cần dựa trên các yêu cầu sau:

- Căn cứ vào đặc điểm học sinh ở từng lứa tuổi, từng lớp cụ thể (chẳng hạn: các phương pháp dạy học đòi hỏi năng lực làm việc độc lập như dự án thích hợp hơn đối với học sinh lớp cuối phổ thông trung học hoặc sinh viên)
- Phương pháp dạy học phù hợp với năng lực sư phạm của giáo viên: Hình thức thuyết trình là dễ hơn đối với giáo viên mới. Những phương pháp như thảo luận, tình huống, tổ chức làm thực nghiệm,... có yêu cầu cao hơn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng ứng xử, giải quyết linh hoạt các tình huống dạy học của giáo viên.

Ví dụ: Chẳng hạn giáo viên cho học viên thảo luận về kỹ năng viết như thế nào là tốt, thì giáo viên sẽ phải tính toán các yếu tố như:

– Mục tiêu của phần thảo luận là gì. Giáo viên muốn học viên rút ra được điểm gì sau trao đổi thảo luận.

– Làm thế nào để đưa ra các câu hỏi để giới hạn phạm vi thảo luận; làm thế nào để thảo luận không đi chệch hướng.

– Làm thế nào để các phần thảo luận KHÔNG mang tính gò bó – vẫn có đủ sự tự do trong sự trao đổi giữa giảng viên với học viên; nhưng vẫn dẫn đến kết quả đầu ra giảng viên dự tính trước.

Để làm được những điều này thì kỹ năng và chuyên môn của giáo viên đều cần phải tốt

Căn cứ vào thời gian, thời lượng: Những phương pháp dạy học yêu cầu học sinh làm việc độc lập thường cần thời gian nhiều hơn nên phải tính toán thời gian cho phép để lựa chọn phương pháp dạy học.

II. Phương pháp dạy học tích cực

1. Định nghĩa

Phương pháp dạy học tích cực **khác biệt** với phương pháp truyền thống ở điểm giáo viên sẽ giúp **học sinh tự phát hiện và giải quyết vấn đề**. Từ đó tăng được tính **chủ động** và **sáng tạo** trong khi học

2. So sánh giữa dạy học tích cực và thụ động

Dạy học có tính thụ động	Dạy học có tính tích cực
GV truyền đạt kiến thức	GV tổ chức hướng dẫn – HS lĩnh hội
GV đọc thoại, học sinh nghe giảng	Đối thoại GV-HS, HS-HS
GV áp đặt kiến thức có sẵn	GV hướng dẫn HS tìm ra kiến thức
HS thụ động tiếp thu	HS tự tìm ra kiến thức bằng hành động của chính mình
Học sinh học thuộc lòng	Học sinh học cách học, cách giải quyết vấn đề, cách phát triển bản thân
Giáo viên độc quyền đánh giá cho điểm	HS tự đánh giá, tự điều chỉnh làm cơ sở để giáo viên cho điểm cuối cùng

3. Lý do nên áp dụng phương pháp dạy học tích cực

Dạy học phát huy tính tích cực nhận thức của người học liên quan tới quan điểm “dạy học lấy hoạt động của người học làm trung tâm”.

Cụ thể, lợi ích mà phương pháp dạy học tích cực mang lại có thể kể đến:

Các lợi ích chính:

- Cải thiện tư duy phản biện: Với phương pháp giảng dạy tích cực, học sinh sẽ không còn hoàn toàn thụ động tiếp thu kiến thức từ giáo viên, mà sẽ có khả năng suy nghĩ độc lập và phản ánh những suy nghĩ trái chiều. Từ đó, học sinh có thể tăng khả năng sử dụng thông tin để giải quyết vấn đề, suy luận ra hệ quả, đồng thời tìm kiếm những nguồn thông tin liên quan để tăng hiểu biết của mình về vấn đề đó.
- Khả năng ghi nhớ và tiếp thu kiến thức: Học sinh, sinh viên thường sẽ ghi nhớ kiến thức tốt hơn khi chủ động tìm tòi và thảo luận vấn đề.

Các lợi ích khác:

- Phát triển kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm: Học sinh được rèn luyện kỹ năng này một cách thường xuyên, từ đó hiểu được sức mạnh của làm việc nhóm và các khó khăn cần khắc phục.
- Tăng mức độ tương tác: Nhiều hoạt động đồng nghĩa với tăng mức độ tương tác, lớp học sẽ sôi động và đầy hứng khởi.
- Tận dụng tối đa lợi ích của công nghệ giáo dục: Không chỉ giáo viên mà học sinh có thể tự nghiên cứu và tận dụng các công cụ giáo dục hiện đại phục vụ cho việc học.
- Khai nguồn tư duy sáng tạo: Sáng tạo là một trong những kỹ năng khó dạy nhất khi sử dụng các phương pháp truyền thống. Phương pháp dạy học tích cực giúp học sinh hiểu rằng sự sáng tạo nó ắt phát triển bằng sự nỗ lực và làm việc chăm chỉ.
- Rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế: Việc học sinh chủ động tìm tòi và tiếp thu khi học sẽ tăng cường kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế, cần thiết cho các công việc trong tương lai.

Vậy câu hỏi đặt ra ở đây là có phải lúc nào cũng nên áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực không?

Đáp án là ***tùy từng trường hợp*** và trong 1 giờ học vẫn nên có sự hoà quyền giữa Phương pháp truyền thống & Phương pháp tích cực

Điều này là do:

- Bất kể các lợi ích nêu trên, việc tổ chức thảo luận/trao đổi giữa học viên – học viên; và giáo viên – học viên sẽ luôn tốn thời gian, đặc biệt nếu giáo viên muốn tổ chức ra 1 buổi thảo luận mang tính satisfactory với học viên. (để thực sự học viên học được, giáo viên cần ghi nhận và giải quyết từng ý kiến của học viên, và hướng cho học viên biết suy nghĩ của mình có ổn hay không – và quá trình này không thể làm nhanh & qua loa được).

4. Một số phương pháp giảng dạy tiếng Anh tích cực phổ biến

4.1. Phương pháp dạy tiếng Anh trực tiếp (Direct method)

Phương pháp dạy tiếng Anh Trực tiếp (Direct Method) được phát triển từ những năm 1900 để thay thế phương pháp Ngữ pháp – Dịch truyền thống tỏ ra không hiệu quả trong việc dạy ngoại ngữ giao tiếp.

Đặc điểm chính của phương pháp trực tiếp:

- Không sử dụng ngôn ngữ trung gian, học viên sẽ được dạy trực tiếp bằng ngôn ngữ đích và ít học ngữ pháp.
- Giáo viên và học sinh sẽ thực hành nghe nói liên tục trong các tình huống sinh hoạt thường nhật.
- Điều này khiến cho phương pháp trực tiếp trở thành phương pháp giảng dạy tích cực lấy người học làm trung tâm.

Ưu điểm:

- Lợi thế của phương pháp này chính là học viên được nói tiếng Anh rất nhiều, sử dụng ngôn ngữ chủ động, quá trình thẩm thấu từ vựng và ngữ pháp diễn ra tự nhiên (do có quá trình luyện phản xạ **theo tình huống**, chứ không chỉ luyện theo sách vở đơn thuần)
- Hơn nữa giải pháp này còn đem đến cho học viên kỹ năng phát âm rất tốt, nói chuyện tự tin và tự nhiên.

Hạn chế:

- Phương pháp này không trang bị được nhiều kiểu câu phức tạp và khó áp dụng cho các học sinh lớn tuổi.
- Nó cũng đòi hỏi giáo viên có trình độ giảng dạy cao và có tính kiên nhẫn, thời gian học dài để đạt được mức hiểu nghĩa của từ ngữ.

4.2. Phương pháp dạy tiếng Anh Giao tiếp (Communicative Language Teaching)

Từ trước đến nay chúng ta đều hiểu rằng học ngoại ngữ là một tiến trình của nhận thức, của việc ghi nhớ. Nhưng theo quan niệm của những người phát triển giải pháp học tiếng Anh Giao tiếp, ngôn ngữ còn có thể được học qua quá trình tương tác xã hội.

Phương pháp dạy tiếng Anh giao tiếp được phát triển từ những năm 1970 nhằm thay thế những phương pháp cổ điển được cho là tập trung quá mức vào ngữ pháp và mẫu câu, có ít giá trị sử dụng trong thực tế. Phương pháp Giao tiếp tập trung vào đào tạo kỹ năng nghe nói tiếng Anh, nâng cao kỹ năng truyền đạt thông điệp thay vì chú trọng vào sự hoàn hảo của ngữ pháp.

Sự khác biệt lớn nhất giữa Phương pháp dạy Giao tiếp và Phương pháp trực tiếp ở trên chính là ở ngôn ngữ được sử dụng trong quá trình dạy học. Phương pháp trực tiếp sử dụng **hoàn toàn** ngôn ngữ đích trong suốt buổi học; còn với Phương pháp dạy giao tiếp, dù việc sử dụng ngôn ngữ đích thường xuyên được khuyến khích, nhưng ngôn ngữ mẹ đẻ của người học vẫn được sử dụng khi cần thiết.

Đặc điểm nổi bật của phương pháp Giao tiếp:

- Ngoài việc dạy kiến thức ngôn ngữ còn dạy học viên cách sử dụng ngôn ngữ như kỹ năng giao tiếp và năng lực giao tiếp.
- Các giáo trình được biên soạn theo phương pháp Giao tiếp được tổ chức theo các bước: (1) Giới thiệu ngữ liệu, (2) Thực hành bài tập, (3) Hoạt động giao tiếp, (4) Đánh giá, và (5) Củng cố.

Ưu điểm:

- Phương pháp Giao tiếp có ưu điểm hơn hẳn các phương pháp khác là nó bao trùm mọi phương diện của quá trình dạy học ngoại ngữ: đó là các yếu tố ngôn

ngữ, văn hóa, xã hội, các yếu tố ngoài ngôn ngữ... nhằm rèn luyện kỹ năng giao tiếp hoàn chỉnh.

- Giúp học viên nhanh nói được & Luyện phản xạ theo tình huống giúp học viên nhớ theo tình huống, từ đó tốc độ bật với các tình huống cố định và quen thuộc sẽ nhanh hơn.

Hạn chế:

- Trong quá trình dạy học, kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp) không được quan tâm một cách thích đáng.
- Vì không đi vào các quy tắc và nguồn gốc, nên nhược điểm sẽ là đi nhanh NHƯNG không đi xa được/khó đi xa. Người học gặp tình huống lạ sẽ khó xử lý (vì thường chỉ hiểu theo tình huống cố định mà không hiểu quy tắc đi sau nó)

4.3. Phương pháp dạy học theo dự án (Project-based learning)

Phương pháp dạy học theo dự án là một phương pháp mới, chủ động, khác hẳn những phương pháp giáo dục truyền thống trong đó đa số dựa vào việc đơn thuần để giáo viên giảng dạy.

Khi dạy các học viên là sinh viên hoặc độ tuổi cuối cấp trung học phổ thông, giáo viên có thể tổ chức dạy học bằng phương pháp dạy học theo dự án. Giáo viên từ vai trò người giảng dạy (lecturer) thành người điều phối (facilitator) các hoạt động học; người học tự lựa chọn chủ đề, xác định các nhiệm vụ cụ thể, tự tổ chức, tự giải quyết nhiệm vụ.

Phương pháp dạy học theo dự án có các đặc điểm sau:

- Định hướng cho người học: Người học được tham gia vào các giai đoạn của quá trình dạy học kể cả giai đoạn xác định chủ đề; vai trò của giáo viên là định hướng cho họ.
- Định hướng hành động: Người học thực hiện các nhiệm vụ học tập có tính chất thực hành.
- Định hướng kết quả: Kết quả của dự án là sản phẩm mang tính chất vật chất hoặc hành động.
- Mang tính chất tích hợp: Học sinh được chia theo nhóm, mỗi nhóm giải quyết nhiệm vụ có liên quan đến thực hiện chủ đề chung của cả lớp.
- Mở rộng sự quan tâm, hứng thú và kinh nghiệm của người học.

Ưu điểm:

- Hứng thú của người học được chú trọng.
- Hành động tự lực được khuyến khích và phát triển.
- Sự mở rộng hiểu biết, tầm nhìn ra thế giới bên ngoài được chú trọng.

- Lao động trí óc và chân tay, tư duy và hành động được kết hợp chặt chẽ với nhau.

Hạn chế:

- Đòi hỏi vật chất và phương tiện phù hợp
- Không phù hợp trong việc truyền thụ tri thức lí thuyết mang tính trừu tượng, hệ thống cũng như rèn luyện hệ thống kĩ năng cơ bản.
- Phải đòi hỏi nhiều thời gian. Vì vậy phương pháp này không thay thế hoàn toàn mà là hình thức dạy học bổ sung cần thiết cho các phương pháp dạy học truyền thống.

Một số điều lưu ý khi thực hiện phương pháp này:

- Các hình thức dự án rất phong phú: Có thể diễn ra trong kế hoạch lên lớp hoặc tiến hành ngoài giờ lên lớp.
- Nội dung thường gắn với thực tiễn
- Yếu tố quyết định trong thực hiện dự án là người học. Người học được tự quyết định các đầu việc sau:
 - Xác định chủ đề.
 - Xác định mục đích cần đạt.
 - Xác định cách thức thực hiện và thực hiện các hành động.
- Kết quả của dự án có thể trình bày được.

Ví dụ dễ thấy nhất của phương pháp project-based learning là giao cho học viên một Final assignment/Final project vào cuối một khoá học/kỳ học:

– Mục tiêu cần đạt của phần này thường sẽ là Tổng kết & xâu chuỗi các mảng kiến thức đã học trong khoá – 1 khoá học trung bình có thể kéo dài đến 2-3 chục buổi. Khối lượng kiến thức từ đó cũng sẽ rất lớn, vì vậy giáo viên có thể chia các projects khác nhau (mỗi project là một mảng kiến thức) và giao cho học viên làm việc nhóm đối với từng project.

– Mỗi nhóm sẽ đảm nhiệm một cái project khác nhau trên cơ sở tự chủ. Tuy nhiên, các khâu cũng sẽ cần có giáo viên hướng dẫn/định hướng.

Ví dụ với phần “Xác định chủ đề” – giáo viên xác định các mảng kiến thức – sau đó có 2 phương án: (1) cho học viên chọn chủ đề yêu thích; hoặc (2) assign cho từng nhóm (với cách thứ (2) thì giáo viên cần phải hiểu rõ học viên của mình – bạn nào mạnh gì yếu gì – từ đó có sự sắp xếp phù hợp) Cách thức hoàn thành project, phân chia đầu việc,... sẽ do nội bộ nhóm quyết định và thực hiện

– Kết quả có được cuối project có thể được thuyết trình qua slides hoặc poster do chính các học viên thiết kế và trình bày.

4.4. Phương pháp trò chơi (Game-Based Learning)

Phương pháp dạy học tích cực trò chơi là phương pháp giáo viên thông qua việc tổ chức các trò chơi liên quan đến nội dung bài học, có tác dụng phát huy tính tích cực nhân thức, gây hứng thú học tập cho học sinh. Qua trò chơi, học sinh tiếp thu kiến thức một cách nhẹ nhàng, tự nhiên, đồng thời qua trò chơi phát triển sự tự giác, tự chủ của học sinh.

Một ví dụ về trò chơi về từ vựng thường được áp dụng trong lớp học là “Guess the word”, cụ thể như sau:

- *Thời lượng: 15-20’*
- *Trình độ: Tất cả các trình độ*
- *Mục đích: Ôn tập từ vựng đã học ở buổi trước*
- *Chuẩn bị: GV chuẩn bị list từ vựng đã học ở buổi trước*
- *Cách thức triển khai:*
 - *Chia lớp thành các nhóm 3-4 người.*
 - *Lần lượt các nhóm cử 1 thành viên lên bảng. Thành viên đó sẽ đứng quay lưng vào bảng và đối diện với các bạn khác trong lớp.*
 - *GV chọn 1 từ/cụm từ và viết lên bảng.*
 - *Các HV còn lại gợi ý từ/cụm từ đó cho HV đứng trên bảng đoán. Tuy nhiên, HV không được nói bất cứ từ nào xuất hiện trong cụm từ trên bảng.*
 - *Tùy vào trình độ của HV, GV có thể yêu cầu HV gợi ý bằng tiếng Anh, tiếng Việt hoặc cử chỉ.*
 - *Đội nào đoán được trước sẽ giành được điểm.*
 - *Đội chiến thắng là đội giành được nhiều điểm nhất*

Qua ví dụ về trò chơi này, ta có thể rút ra được tiến trình tổ chức của phương pháp trò chơi:

- *Chuẩn bị:*
 - *Giáo viên lựa chọn trò chơi căn cứ vào mục tiêu và nội dung dạy học (Dựa trên mục đích là “ôn tập từ vựng đã học”, giáo viên chọn trò “Guess the word” và chuẩn bị danh sách từ vựng sẽ được áp dụng trong trò chơi)*
 - *Xây dựng kế hoạch tổ chức trò chơi. (GV lên kế hoạch về thời lượng, các bước tiến hành)*
- *Tiến hành:*
 - *Giải thích trò chơi, luật chơi;*
 - *Tổ chức phân vai; phân việc sao cho mỗi học sinh đều nhận được vai trò mong muốn, đều ý thức rõ ràng nhiệm vụ và công việc của mình trong trò chơi. (thể hiện qua việc chia nhóm và nhiệm vụ của thành viên lên bảng cùng các bạn cùng nhóm ở dưới lớp)*

- Các luật chơi được thông báo và được quán triệt, tất cả đều phải giữ luật chơi;
- Trong quá trình chơi, giáo viên quan sát nhắc nhở, giúp đỡ khi học sinh lúng túng và can thiệp chỉ khi nào có người vi phạm luật chơi.
- Kết thúc: Giáo viên tổ chức tổng kết những kết quả học tập đạt được qua trò chơi; nhận xét, đánh giá tinh thần, thái độ trong khi chơi.

Ưu điểm:

- Tạo điều kiện để phát triển kiến thức mới, ôn tập các kiến thức đã học: Bằng việc vận dụng các kỹ năng, kỹ xảo để chơi trò chơi, học sinh nhanh chóng phát triển những kiến thức nền tảng thành những kiến thức mới, thú vị hơn, hoặc vận dụng những kiến thức đã học
- Tăng khả năng ghi nhớ:

Việc sử dụng trò chơi để thay đổi hình thức học tập làm cho không khí lớp học thoải mái và dễ chịu hơn. Từ đó, tạo cho học sinh sự tự giác, tích cực hơn trong việc tiếp nhận kiến thức.

Thông qua trò chơi, học sinh biết cách nhìn nhận, phân tích, so sánh khái quát các kiến thức một cách thoải mái và thú vị hơn. Điều này giúp học sinh có ấn tượng với kiến thức một cách mạnh mẽ và ghi nhớ thông tin lâu hơn.

Hạn chế:

- Học sinh có thể dễ bị sa đà vào trò chơi, ít tập trung vào mục đích học tập
- Giáo viên có thể gặp khó khăn trong việc kiểm soát thời gian và nội dung kiến thức cần được truyền tải.
- Việc tổ chức quá nhiều trò chơi trong 1 buổi học có thể làm mất tính thú vị của hoạt động và tốn rất nhiều thời gian của lớp.
- Việc cân bằng giữa kiến thức muốn truyền tải và tính hấp dẫn của trò chơi không phải lúc nào cũng dễ.

Một số lưu ý:

- Luật chơi nên đơn giản để học sinh dễ hiểu, dễ thực hiện. Nên đưa ra các hình thức chơi để nhiều học sinh cùng tham gia, từ đó giúp học sinh tăng tương tác và giao tiếp hơn.
- Các dụng cụ chơi cần đơn giản, dễ làm hoặc dễ tìm kiếm.
- Tổ chức chơi vào một số thời điểm trọng tâm của buổi học, để học sinh vừa hứng thú với giờ học, vừa có thể nắm bắt được kiến thức một cách tập trung.

III. Kết luận

Trên đây là một số thông tin về các phương pháp dạy học tích cực mà các giáo viên có thể áp dụng trong quá trình giảng dạy. Nhìn chung, các giáo viên nên kết hợp các phương pháp này cùng phương pháp dạy truyền thống sao cho phù hợp với học viên, đạt hiệu quả giảng dạy tốt nhất có thể.

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP RÈN KỸ NĂNG NGHE, NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG BẮC NINH

Nguyễn Thị Phương

Giảng viên Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học- BCEC

Tiếng Anh là ngôn ngữ được sử dụng trên toàn thế giới. Ngoài việc là ngôn ngữ chính thức của Hoa Kỳ, Anh và Úc, tiếng Anh cũng thường được sử dụng ở các quốc gia khác. Có rất nhiều lợi thế khi biết ngôn ngữ này nhưng khó khăn trong việc học tiếng Anh cũng không ít và quá trình này thường đầy thách thức. Các đặc điểm riêng biệt về từ vựng, ngữ pháp, cách phát âm... làm cho tiếng Anh trở thành một trong những ngôn ngữ khó học nhất. Khó khăn trong việc học tiếng Anh tiếp theo là kỹ năng nghe bị hạn chế. Cấu trúc của tiếng Anh bao gồm cả nguyên âm, phụ âm, trọng âm và ngữ điệu mà đa phần sinh viên thường bỏ quên cách nhấn âm tiếng Anh, nói mà không có ngữ điệu. Điều này gây cản trở rất nhiều trong hoạt động giao tiếp. Từ đó, khi nghe người bản xứ phát âm bạn không thể nào nhận biết được vì bình thường bản thân ghi nhớ từ đó theo một cách hoàn toàn khác. Và ngược lại khi bạn diễn đạt người bản xứ cũng không hiểu bạn đang muốn nói gì.

Tự ti trong giao tiếp cũng là một khó khăn khi học giao tiếp tiếng Anh. Tâm lý là rào cản lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình cải thiện tiếng Anh giao tiếp.

Phương pháp luyện nghe tiếng Anh

Với bốn bước luyện nghe, bạn sẽ nắm được điểm yếu của mình để có cơ sở cải thiện tiếng Anh, dần tăng khả năng giao tiếp.

Trước khi thực hiện phương pháp này, SV nên lựa chọn tài liệu nghe phù hợp với bản thân. Nói cách khác, bài nghe không nên quá nhanh, quá nhiều từ khó và chủ đề quá phức tạp.

Khi có tài liệu phù hợp, SV có thể bắt đầu luyện bằng phương pháp nghe theo bốn bước như sau.

Đầu tiên, bạn bật băng (hoặc video), nghe toàn bộ đoạn băng hoặc bài nói. Khi nghe, bạn chỉ cần tập trung làm rõ những câu hỏi: chủ đề nói về cái gì, có bao nhiêu ý chính, ý phụ, ví dụ...

Lưu ý, bạn không dùng băng (stop) và nghe lại từng câu ở bước này. Cứ để băng chạy từ đầu đến cuối và cố gắng nắm bắt những ý cốt lõi nhất của bài nghe. Nếu bạn nghe khoảng 10-20 lần mà vẫn không nắm được ý chính, có nghĩa là bài nghe đang quá khả năng của bạn, nên lựa chọn bài nghe dễ hơn.

Sau khi nghe và hiểu được ý chính của bài, bạn chuyển qua bước thứ hai: "note-taking". Chuẩn bị một mảnh giấy và một cái bút, bật băng nghe lại và "note"

lại những gì mình hiểu. Lưu ý, giống bước một, bạn không dừng băng và nghe lại từng câu, mà bật từ đầu đến cuối và "take note".

Trong bước một, bạn đã hiểu được nội dung cơ bản của bài nói rồi, nên việc "take note" chủ yếu nhằm hệ thống lại nội dung bài nói. Vì tốc độ nói luôn nhanh hơn tốc độ viết, bạn chỉ "take note" những nội dung căn bản nhất, chứ không ghi lại tất cả những gì mình nghe được. Để dễ hiểu, hãy tưởng tượng sắp đang giao nhiệm vụ, bạn có một tờ giấy và một cái bút, hãy ghi lại nhiệm vụ - đừng ghi lại từ ngữ của sếp.

Bạn có thể nghe hai đến ba lần để "take note" đầy đủ nội dung và chuyển qua bước thứ ba, chép chính tả. Mục đích của chép chính tả là để kiểm tra từ vựng, ngữ pháp và khả năng nghe chi tiết của bạn.

Khi chép chính tả, đơn giản là bạn dừng lại sau mỗi đoạn, hoặc mỗi câu, và cố gắng ghi lại chính xác những gì người nói đề cập trong bài viết. Bạn hãy để ý từng đuôi "s" hoặc "ed" của từ, cố gắng làm hoàn hảo nhất có thể. Rất nhiều chỗ, bạn có thể cảm thấy không biết từ này là từ nào, hãy bỏ qua và tiếp tục đến khi chép lại hoàn toàn bài nghe của bạn.

Chép chính tả sẽ giúp bạn nhận ra những lỗi phát âm, ngữ pháp, từ vựng... của mình. Kinh nghiệm cá nhân của mình là hầu hết những học viên yếu ngữ pháp sẽ bộc lộ nhiều lỗi trong phần này, ví dụ nhầm lẫn "a", "the", "in", "on" hay thiếu "es", "ed". Những bạn phát âm tiếng Anh yếu sẽ gặp khó khăn trong việc nắm bắt "keyword" - từ quan trọng trong bài nói. Những bạn nghe tốt, phát âm tốt và chắc ngữ pháp sẽ bắt được toàn bộ.

Bước cuối cùng là nghe và kiểm tra lại. Bạn cần có "transcript" của bài nói để hoàn thiện bước nghe cuối cùng này. Hãy đọc "transcript" của bài nói, và so sánh với bài "dictation" của mình để biết lý do tại sao mình nghe sai hoặc không nghe được. Điều này là rất quan trọng để bạn nhận ra điểm yếu của mình khi nghe: do thiếu từ vựng, do phát âm kém, hay do ngữ pháp kém? Khi đã biết điểm yếu của mình, bạn có cơ sở tập trung học để nâng cao khả năng tiếng Anh.

đó, bạn có thể bật đi bật lại bài nghe đó, và luyện nghe hàng ngày. Càng nghe nhiều, bạn càng nâng cao khả năng nghe hiểu, và giao tiếp tiếng Anh.

- Phương pháp luyện nói tiếng Anh

1. Tập suy nghĩ bằng tiếng Anh sẽ giúp bạn phản xạ nhanh hơn khi giao tiếp.
2. "Tự độc thoại" với mình khi có thể giúp bạn bước đầu thoải mái hơn khi nói.
3. Luyện nói trước gương giúp bạn tự tin khi giao tiếp.
4. Tập trung vào việc nói trôi chảy và không quan tâm đến ngữ pháp giúp bạn khả năng giao tiếp.
5. Hãy thử phát âm với những câu, từ khiến bạn "xoắn lưỡi" giúp bạn tăng khả năng phát âm chuẩn xác, nói trôi chảy, nhuần nhuyễn.

6. Lắng nghe và “nhại theo” giúp bạn cải thiện giọng nói, tạo được sự cuốn cho người nghe.

7. Nên chú ý phân trọng âm để tránh gây hiểu lầm cho người nghe.

8. Hát theo bài hát tiếng Anh yêu thích giúp bạn nói tiếng Anh thêm lưu loát.

9. Học tất cả các hình thái từ giúp vốn từ vựng của bạn phong phú hơn.

10. Học theo những cụm từ, không phải theo từng từ một.

11. Học một vài câu nói mà bạn thường giúp bạn dễ dàng giao tiếp hơn.

12. Chuẩn bị trước cho những tình huống đặc biệt sẽ giúp bạn nói tốt.

13. Giữ tâm thế thoải mái khi nói tiếng Anh.

14. Kể một câu chuyện tiếng Anh tập cho bạn thói quen nói được nhiều câu liền mạch.

15 – Nghe và Luyện nói tiếng Anh theo ngữ điệu mà bạn muốn

16 – Một số kênh Youtube hữu ích giúp bạn luyện nói tiếng Anh

- [Jill Diamond](#) (Anh – Mỹ): Nếu bạn muốn nói tiếng Anh như người Mỹ, hãy follow kênh youtube của Jill Diamond. Trên kênh youtube của mình, Jill cũng upload nhiều video chia sẻ các tips, mẹo phát âm và ngữ điệu vô cùng thú vị cho bạn tham khảo.

17 – 7 Trang Web Luyện Nói Tiếng Anh Hiệu Quả

1. TalkEnglish

Website: <https://www.talkenglish.com>

Đúng như tên gọi, TalkEnglish là một trang web tập trung vào việc giúp bạn luyện kỹ năng nói tiếng Anh.

Tuy nhiên khi truy cập vào trang web này, chắc chắn bạn còn được cải thiện thêm các kỹ năng khác như nghe, vốn từ vựng, các cụm từ và từ vựng.

Trang web trình bày rất rõ ràng và dễ điều hướng người dùng. Trên trang chủ, bạn sẽ thấy một vài lựa chọn như sau:

- Speaking English Lessons – Luyện nói tiếng Anh
- English Listening Lessons – Luyện nghe tiếng Anh
- Extra English Lessons – Các bài học mở rộng kiến thức
- A few other “Extras” – Một vài bài học thêm khác

Mỗi mục lớn này lại được chia thành từng phần nhỏ hơn theo cấp độ và chủ đề liên quan. Bạn sẽ nhận thấy trang web này rất rộng và có kiến thức toàn diện như thế nào.

Đỗ Thị Tuyết

Giảng viên Trường Cao đẳng ngoại ngữ Việt Nhật

I. Lời mở đầu

Tiếng Anh là một trong những ngôn ngữ quốc tế thông dụng nhất trên thế giới hiện nay. Học tiếng Anh ở cao đẳng giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đồng thời là một trong những điểm khởi đầu quan trọng góp phần vào việc hình thành và phát triển kỹ năng học tập suốt đời, năng lực làm việc trong tương lai và khả năng tham gia các hoạt động văn hóa – xã hội. Trước tình hình đó, ngành giáo dục đặc biệt chú trọng đến việc đổi mới phương pháp giảng dạy và một trong những nội dung đổi mới đó là phát triển đủ cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong chương trình mới, tuy nhiên hầu hết giáo viên gặp rất nhiều khó khăn trong giờ dạy các em đọc hiểu và viết. Điều này dẫn đến cả giáo viên và học sinh đều không hứng thú trong giờ học đọc, viết bởi nó rất buồn tẻ và gây khó khăn cho sinh viên và cả giáo viên.

II. Những ưu nhược điểm của lĩnh vực được phân công

Trước đây, giáo viên thường sử dụng phương pháp truyền thống như: reading, translation, và đặc biệt chú trọng đến ngữ pháp nên hầu hết SV học tiếng Anh bằng cách đọc và viết. Lớp học không sinh động, SV không được rèn luyện cả bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc viết, hơn nữa SV ngại kỹ năng đọc hiểu vì nhìn vào bài nhiều chữ đã hoa mắt, không muốn đọc, do đó không quan tâm nhiều đến việc rèn luyện kỹ năng đọc.

Vốn từ của SV còn kém, làm bài theo phương pháp đoán, khoanh bừa, từ vựng và cấu trúc cơ bản ở THPT còn quên rất nhiều, nên không thể diễn đạt thành câu, thành bài viết.

III. Những giải pháp để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được phân công hoặc những giải pháp để hạn chế khuyết điểm.

III.1. Nội dung, biện pháp thực hiện rèn kỹ năng đọc hiểu .

Biện pháp 1: Hướng học sinh tìm hiểu về kỹ năng đọc hiểu:

Để có thể giúp học sinh phát triển kỹ năng đọc có hiệu quả, trước hết giáo viên cần giúp sinh viên phân biệt được những kỹ năng đọc cơ bản được sử dụng trong việc dạy-học ngoại ngữ:

1. Đọc to và đọc thầm:

a. Đọc to (Reading aloud) với mục đích truyền đạt lại thông tin người khác đã viết ra, kỹ năng thường chỉ giúp HS rèn luyện cách phát âm, trọng âm, ngữ điệu và kỹ năng đọc để thông báo.

b. Đọc thầm (Silent reading) : với mục đích đọc để hiểu, đọc để nắm bắt và nhận biết thông tin.

c. Đọc phân tích và đọc tổng hợp:

d. Đọc để lấy thông tin cần thiết (Scanning)

e. Đọc để lấy ý chính (Skimming)

f. Đọc và phán đoán từ và nội dung ngữ cảnh trước và trong khi đọc (predicting)

g. Đọc phân tích để hiểu nội dung chi tiết hoặc để nghiên cứu.

Tóm lại, mỗi khi đọc một bài đọc tiếng Anh, những câu hỏi hữu ích mà HS cần đặt ra dưới sự hướng dẫn của GV là:

- Đọc để làm gì? (What reading for?)

- Đọc như thế nào? (How to read?)

- Mục đích đạt được sau khi đọc là gì? (What aim after reading?)

2. Thực hiện tiến trình dạy kỹ năng:

Có hai loại bài đọc: Bài đọc để dạy phát âm hoặc bài đọc để dạy kỹ năng đọc hiểu tùy theo mục đích và yêu cầu của bài. Trong phạm vi chuyên đề này, tôi đi sâu vào việc rèn luyện và phát triển kỹ năng đọc hiểu.

Để việc đọc có kết quả tốt, tiến trình dạy một bài đọc thường được tiến hành qua 3 giai đoạn: Pre-reading - While reading - post-reading

2.1. Pre- reading activities:

- Gây hứng thú

- Thiết lập ngữ cảnh (set the scene)

- Giới thiệu trước từ mới cần thiết

- Gợi ý, hướng sự chú ý vào những điểm chính của bài đọc.

- Cho học sinh đoán trước nội dung bài đọc.

- Nêu những điều đoán trước qua bài đọc...

2.2. While-reading activities:

- Vừa đọc vừa thực hiện bài tập.

- SV sửa chữa, nhận xét cho nhau, tự sửa cho mình bằng cách đọc lại và phát triển kỹ năng đọc.

- Bài tập và phương pháp phổ biến: Answer the Q, T/F statements, Multiple choice, Complete..., Gap fill, Match, Choosing, Tick.....etc....

2.3. Post- reading activities:

Để kiểm tra mức độ đọc sâu hiểu rộng của SV, GV có thể thiết kế bài giảng theo nhiều phương pháp khác nhau cho phù hợp :

- Luyện tập củng cố về cấu trúc, nội dung.
- Liên hệ thực tế
- Chuyển hóa vốn kiến thức, nhận thức hoặc thông tin, dữ liệu vừa nhận qua bài đọc.
- Luyện tập: summarize, Interview, Discuss....

3. Sử dụng một số thủ thuật khai thác bài đọc hiểu để rèn luyện và phát triển kỹ năng đọc hiểu:

- Điều chỉnh giáo cụ trực quan, lời hướng dẫn, giải thích, bài tập, hoạt động, nhiệm vụ,...
- Điều chỉnh bằng cách bỏ bớt (những nội dung quá xa rời thực tế địa phương), sắp xếp lại, thay thế, kết hợp, hoặc thêm vào,...

Tất cả những điều chỉnh của GV đều phải đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với trình độ SV, đúng chủ đề bài học và không vi phạm về cắt xén chương trình.

* Ngoài ra, giáo viên cũng có thể rèn luyện và phát triển kỹ năng đọc cho các em trong những tiết phụ đạo hay tự chọn, mà theo tôi có thể thực hiện bằng cách :

Chọn SV:

Lọc thành 2 nhóm đối tượng (Nhóm 1: SV có vốn từ ... this is checkup is better option từ vựng khá và có khả năng tư duy, nhóm 2 gồm các SV bị nghèo vốn từ và khả năng tư duy thiếu nhạy bén)

- Chọn tài liệu:

- Đa dạng hóa các dạng bài tập từ cơ bản đến nâng cao
- Tuy nhiên để chuẩn bị tốt cho bài giảng của mình người dạy phải luôn luôn tự trau dồi, bồi dưỡng và nâng cao trình độ bản thân một cách thường xuyên và liên tục.

- Cung cấp kiến thức:

Rèn luyện theo bốn kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.

- Hướng dẫn cách làm bài:

- Đây là việc làm cũng rất quan trọng mà chúng ta là những người trực tiếp dạy bồi dưỡng hoặc phụ đạo không thể bỏ qua, bởi lẽ nếu chúng ta dạy nhiệt tình, nội dung bài giảng phong phú, SV học tập sẽ hào hứng và say mê hơn, thế nhưng nếu chúng ta không chú ý đến kỹ năng đọc của các em thì kết quả cũng không thể theo như mong muốn.

- Vì thế mà chúng ta cần thiết phải rèn luyện cho SV phát triển kỹ năng đọc để các em có niềm say mê trong khi học bộ môn này .

Kiểm tra kiến thức + Rút kinh nghiệm:

- Đây là giai đoạn cũng rất quan trọng trong quá trình mà chúng ta rèn luyện kỹ năng đọc cho các em, bởi lẽ nếu ta chỉ dạy mà không kiểm tra thì ta sẽ không thể biết được sự tiếp thu kiến thức của SV đạt đến mức độ nào.

- Việc rút kinh nghiệm sau mỗi bài kiểm tra thật sự rất cần thiết, từ những lần rút kinh nghiệm SV có thể nhận ra mình còn yếu ở phần nào để có thể khắc phục.

- Với tầm quan trọng của bộ môn tiếng Anh, căn cứ những khó khăn và hạn chế của sinh viên trong trường, trong quá trình giảng dạy, tôi đã áp dụng thêm một số giải pháp sau để rèn kỹ năng đọc tiếng Anh cho SV:

a. Cho SV xem tranh để nói tiếng Anh

b. Cho nghe băng tiếng Anh và lặp lại.

c. Khuyến khích SV giải trí bằng tiếng Anh

d. Tập cho SV kể chuyện bằng tiếng Anh

e. Khuyến khích SV đọc sách báo, truyện ngắn, bằng tiếng Anh

f. Hướng cho các em viết nhật ký hoặc thư từ bằng tiếng Anh

Biện pháp 2: Cách tiến hành thực hiện từng hình thức:

Học tiếng Anh cũng giống như tập chạy xe đạp, ít ai có thể đi xe đạp thành thạo khi chưa ngã vài lần. Sau những lần vấp vấp đó, tôi đã rút ra một vài kinh nghiệm có thể sẽ rất hữu ích cho chúng ta, những giáo viên dạy tiếng Anh, nhất là áp dụng cho kỹ năng đọc hiểu và đọc đề ghi nhớ.

III.1. Nội dung, biện pháp thực hiện rèn kỹ năng viết .

Trong tiếng Anh, kỹ năng Viết (Writing) không giống như kỹ năng Nói (Speaking) vì nó không phải là một khả năng chúng ta có được một cách tự nhiên, ngay cả trong tiếng mẹ đẻ cũng vậy – kỹ năng này cần phải được mài dũa thường xuyên. Dưới đây là những phương pháp giúp SV luyện Viết tiếng Anh một cách thông thạo mà chúng tôi mong muốn chia sẻ tới các bạn đọc.

Tìm hiểu về thể loại bài viết

Để bắt đầu thực hành kỹ năng Viết, điều đầu tiên là bạn phải đi tìm cho mình một chủ đề để viết (hay còn gọi là Topic) và chọn cho mình một phong cách viết sao cho phù hợp với chủ đề đó.

- Lên ý tưởng cho bài viết

Đây là bước đầu tiên của việc tiếp cận quá trình viết. Ngay cả khi viết một lá thư khiếu nại thông thường cũng vẫn phải lên ý tưởng để nội dung được đầy đủ ý nghĩa và giúp người đọc hiểu được những điểm quan trọng mà bạn muốn nhấn mạnh. Tiếp theo, hãy chuẩn bị những tờ giấy trắng để viết tất cả các ý tưởng của bạn về chủ đề. Sau đó, phân loại và nhóm những ý tưởng này lại, mỗi nhóm có thể gồm 3 ý tưởng tốt nhất. Bạn có thể sử dụng tất cả những ý tưởng này vào trong bài viết hoặc chỉ sử dụng một ít. Điều này không có vấn đề gì cả, vì bước chuẩn bị này chỉ để giúp bạn vượt qua rào cản: “Tôi không thể nghĩ ra bất cứ điều gì để viết cả”.

- Tập trung vào ý tưởng

Sau khi đã liệt kê những ý tưởng trên giấy, hãy dành vài phút để nghĩ xem ý tưởng nào là quan trọng nhất hoặc có liên quan chặt chẽ đến chủ đề mà bạn chuẩn bị đặt bút xuống viết. Thậm chí, nếu đó là ý tưởng hay thì bạn có thể đặt ý tưởng ấy như trọng tâm của bài viết.

Khi bạn viết các bài luận tiếng Anh thì đây là bước khá quan trọng và được xem như “bản đồ tư duy” (mindmap). Trong các lớp tiếng Anh, giáo viên thường khuyến khích học viên của mình viết tất cả ý tưởng lên bảng và có thể đi kèm với những hình ảnh minh họa giúp kích thích người học có thêm nhiều ý tưởng hơn nữa.

Khi trình bày những ý tưởng, đừng quá lo lắng về mặt ngữ pháp hay lỗi chính tả. Bạn cũng nên chuẩn bị cho mình một quyển từ điển hoặc bất kỳ công nghệ nào có thể giúp bạn giải quyết những từ vựng mà bạn chưa biết. Đừng để điều gì ngăn cản ý tưởng của bạn.

- Xem các bài mẫu

Sau khi đã có những ý tưởng, bạn hãy thử tham khảo nội dung của các bài viết có chủ đề tương tự để giúp bạn nâng cao nhận thức về thể loại và hiểu thêm về những quy ước tiếng Anh được sử dụng cho từng loại bài viết cụ thể. Ngoài ra, những bài mẫu này còn giúp bạn có thêm một số từ vựng đắt giá và giúp bạn xác định được các tính năng ngôn ngữ và các quy tắc chung cho từng thể loại bài viết để bạn ứng dụng tốt cho các bài viết của riêng mình.

Ví dụ: khi bạn viết một lá thư xin việc, bạn cần xác định chức năng của từng đoạn trong bài viết như sau:

- lý do khiến bạn viết thư xin việc
- làm thế nào bạn tìm ra công việc này
- kinh nghiệm và kỹ năng hoặc khả năng của bạn có
- đoạn kết của bài viết: yêu cầu một cuộc phỏng vấn

Việc xác định cấu trúc, chức năng của từng đoạn trong bài để bài viết của bạn mạch lạc và bạn sẽ hiểu được vì sao các câu chủ đề đóng vai trò quan trọng, nhất là khi bạn viết các bài tiểu luận tiếng Anh.

-Sắp xếp ý tưởng

Sau khi đã nắm vững các bước trên, bây giờ bạn sẽ tiến hành tổ chức các ý tưởng của riêng mình theo cách tương tự. Bạn cần xác định bài viết của mình sẽ gồm bao nhiêu đoạn và điểm chính trong mỗi đoạn là gì. Bạn có thể phác thảo ý tưởng ra giấy.

- Thực hành kỹ năng viết

Đối với các nhà văn và tác giả nổi tiếng hay những người viết chuyên nghiệp, họ sẽ phải trải qua một cuộc vật lộn với nhiều bản phác thảo trước khi đưa ra một tác phẩm cuối cùng.

Tuy nhiên, điều này không phải lúc nào cũng được thực hiện, nhất là khi bạn bước vào các cuộc thi viết tiếng Anh với thời gian giới hạn. Nhưng khi bạn thực hành kỹ năng viết ở nhà hay ở một lớp học tiếng Anh thông thường thì điều này hoàn toàn có thể thực hiện được.

- Đánh giá

Sau khi đã có bản phác thảo về bài viết và bạn đang tiến hành viết bản thứ hai. Hãy dừng lại một chút và đánh giá những điều bạn thích và không thích về nội dung, ý tưởng trong bản nháp đầu tiên của mình để rút kinh nghiệm và làm tốt hơn khi đặt bút viết bài thứ hai. Ở bước này, bạn hãy tạm thời bỏ qua các lỗi ngữ pháp và chính tả vì nó chưa thực sự cần thiết.

-Xem lại

Khi hoàn thành bản thảo cuối cùng, bạn nên xem lại bài viết và kiểm tra chi tiết về ngữ pháp và chính tả. Sau đó, đưa cho giáo viên hoặc một người có trình độ tiếng Anh sửa giúp bạn những vấn đề còn hạn chế để học hỏi và cải thiện từ những lỗi sai của mình.

IV. Lời kết

Tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã làm được trong những năm học trước và rút kinh nghiệm cho những năm học tiếp theo về mọi mặt như giảng dạy của giáo viên và năng lực học tập của SV cũng như môi trường và điều kiện học tập của SV ở trường và ở cộng đồng.

Định hướng phát triển năng lực nên nội dung, kiến thức được lựa chọn đưa vào chương trình phải vừa đủ, gắn liền với ứng dụng trong thực tiễn cuộc sống để bảo đảm thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học, tăng cường hoạt động học tích cực, tự lực của SV”

Tùy vào điều kiện thực tiễn, giáo viên có thể sử dụng các loại phương tiện và học liệu khác nhau để tổ chức hoạt động học cho SV, trong đó cần tăng cường hướng dẫn học sinh tự nghiên cứu giáo trình để tiếp nhận và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Nhằm mục đích hướng cho SV có thể sử dụng ngôn ngữ Tiếng anh như ngôn ngữ mẹ đẻ trong tương lai.

Trên đây là 1 số biện pháp rèn đọc, viết tiếng Anh cho SV mà tôi đã áp dụng thực tế trong quá trình dạy học. Rất mong được lắng nghe ý kiến đóng góp của Hội đồng khoa học để các biện pháp nêu trên được thực hiện có hiệu quả hơn.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM XÂY DỰNG BÀI GIẢNG TIẾNG ANH GIẢNG DẠY CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG BẮC NINH

Nguyễn Thị Liên

Giảng viên Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học- BCEC

Đề án đào tạo tăng cường năng lực ngoại ngữ cho sinh viên trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh được triển khai từ năm 2020 theo Quyết định số 334/QĐ-CĐXD-TCHC ngày 2/3/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh về phê duyệt Đề án xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo tăng cường năng lực ngoại ngữ cho sinh viên. Đề án đã thực hiện đào tạo cho khóa 47,48 và 49. Kết quả qua các đợt đánh giá cho thấy trên 90% sinh viên đạt kết quả khá và giỏi. Để có thể đạt được kết quả cao như trên thì công tác giảng dạy đóng một vai trò quan trọng. Người ta thường nói “Không thể xây nhà mà không có bản thiết kế cũng như không thể dạy học tốt mà không có bài giảng hay”. Đúng thế, bài giảng chính là thiết kế để cho công việc giảng dạy đạt hiệu quả cao, để cho HSSV có thể tiếp thu kiến thức một cách chọn vẹn.

Vậy làm thế nào để có được một bài giảng hay, hấp dẫn sinh viên, đồng thời đáp ứng được mục tiêu chương trình đầu ra đạt trình độ A2 là một nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển năng lực tiếng Anh của HSSV trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh.

Từ kinh nghiệm thực tế của tôi trong xây dựng bài giảng tiếng Anh tôi xin chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất một số giải pháp sau:

1. Xác định rõ và chính xác mục tiêu bài giảng. Một mục tiêu được xác định rõ ràng, đầy đủ, cụ thể và chính xác giúp giảng viên lựa chọn và sắp xếp nội dung bài giảng cho phù hợp. Mục tiêu bài giảng định hướng cho các bước tiếp theo trong kế hoạch bài giảng. Dựa trên mục tiêu, giảng viên lựa chọn nội dung của bài giảng, từ đó xây dựng phương pháp, kỹ thuật giảng dạy phù hợp với sinh viên để có kết quả tốt nhất.

2. Bắt đầu bài giảng với một trò chơi: Để tạo một bài giảng thu hút và hứng thú cho học sinh xuyên suốt trong một buổi học thì cách vào bài có lời cuốn, hấp dẫn là điều vô cùng cần thiết. Thay vì vào bài trực tiếp thì các thầy cô hãy bắt đầu với một vấn đề mà có thể thu hút sinh viên tham gia và đó cũng là cách hiệu quả nhất để sinh viên nhanh chóng vào bài. Ví dụ, chuẩn bị một trò chơi liên quan đến bài giảng, một trò chơi khởi động hay đó là trò chơi giúp sinh viên ôn lại bài cũ và thấy hứng thú ngay từ đầu.

3. Sử dụng hình ảnh, video vào nội dung bài giảng.

Không chỉ là những trò chơi, mà hình ảnh, video cũng là thứ thu hút, lời cuốn khiến sinh viên tập trung hơn vào bài học. Ví dụ khi dạy về các môn thể thao, thay

vì giải thích, giảng viên có thể đưa ra hình ảnh hoặc video về môn thể thao đó, chắc chắn sinh viên sẽ thấy dễ hiểu hơn. Hoặc khi dạy chương trình tiếng Anh 2, Unit 15: The weather – Reading: The man who loves tornadoes, giảng viên sẽ đưa ra 1 video về lốc xoáy, chắc chắn sẽ thu hút được sinh viên hơn là việc dạy truyền thống.

4. Vận dụng tối đa phương pháp Say-Do-Check (Nói –Làm –Kiểm tra):

Bất kì một nhiệm vụ hay một bài tập nào đưa cho sinh viên giảng viên đều phải nói rất rõ ràng yêu cầu của đề bài, sau đó giảng viên nên làm mẫu 1 câu hoặc 1 phần rồi yêu cầu sinh viên làm tương tự. Trong thời gian sinh viên làm bài tập , giảng viên phải đi kiểm tra quanh lớp xem các em có làm đúng yêu cầu hay không và trợ giúp nếu sinh viên cần. Khâu kiểm tra là khâu vô cùng quan trọng mà giảng viên không thể bỏ qua, vì chỉ có kiểm tra thì giảng viên mới biết được thực tế năng lực của từng cá nhân riêng lẻ.

Trên đây là những ý kiến tham luận của tôi với chủ đề” Kinh nghiệm xây dựng bài giảng tiếng Anh ” tại Hội thảo về phương pháp giảng dạy tiếng Anh theo Đề án tích hợp môn học tiếng Anh với chương trình nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên

BÀI HỌC KINH NGHIỆM GIAO BÀI TỰ HỌC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG BẮC NINH

Chu Thị Toan

Giảng viên Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học- BCEC

Để nâng cao hiệu quả học tiếng Anh theo Đề án tích hợp môn học tiếng Anh với chương trình nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên thì ***Việc giao bài tập tự học cho sinh viên*** đóng vai trò quan trọng bởi nó sẽ giúp sinh viên mở rộng được vốn từ và có điều kiện để luyện tập và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc viết một cách thành thạo hơn. Nhưng thực tế thì ***Việc giao bài tập tự học cho sinh viên*** lại luôn là nỗi ám ảnh, sợ hãi với họ bởi những lí do sau:

Thứ nhất là do tâm lý là sinh viên trường nghề nên các em chủ yếu học nghề, tức là học thực hành là chính nên việc làm bài tập lý thuyết ở nhà là rất ngại với các em. Hơn nữa lại phải ngồi một chỗ để nhớ, để viết, để suy nghĩ thì càng khó với các em.

Thứ hai là đa số các sinh viên tham gia làm thêm để kiếm thêm thu nhập sau giờ học và công việc mà các em chọn làm thêm phổ biến nhất là phục vụ nhà hàng, quán ăn hoặc thậm trí một số em còn chọn công việc làm ca đêm nên các em không có nhiều thời gian dành cho việc học bài tập tự học.

Thứ ba là hầu hết sinh viên đều biết ít từ vựng tiếng Anh nên việc tự học ở nhà các em thường gặp phải những khó khăn như:

- Không thể nghe được
- Không thể tự sửa phát âm
- Hay quên từ vựng hay học mãi không nhớ
- Không có bạn cùng thực hành hội thoại
- Không biết nghĩa và phải tra từ điển nhiềuvv..

Vậy làm thế nào để ***Việc giao bài tập tự học cho sinh viên*** được hiệu quả và phát huy được tối đa tinh thần tự học của sinh viên và biến tiếng Anh trở thành một phần vui vẻ trong cuộc sống hằng ngày của sinh viên. Như việc sử dụng ngôn ngữ của chiếc smartphone yêu thích bằng tiếng Anh, hay nghe những bản nhạc hay bằng tiếng Anh, ...thì theo kinh nghiệm được rút ra từ cuốn ***Bài tập tự học tiếng Anh*** đã được nhóm giảng viên tiếng Anh của Trung tâm ngoại ngữ, tin học biên soạn theo chương trình đề án nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên tôi xin được chia sẻ những giải pháp như sau:

Thứ nhất là Yêu cầu sinh viên ghi âm, chụp ảnh hoặc quay clip. Ví dụ như phần **Vocabulary** các em ghi âm hoặc quay clip khi các em đọc các từ đó. Hoặc phần **Reading** soi camera vào bài khóa rồi dịch hoặc phần **Speaking** quay clip khi

sinh viên tự đặt câu hỏi rồi tự trả lời vv... Giao bài kiểu này tôi thấy các em rất thích có lẽ vì các em không phải chỉ ngồi cầm cây bút mà các em thấy rằng chiếc điện thoại giống như một công cụ ở dưới xưởng và tưởng như các em đang học thực hành chứ không phải môn học lý thuyết nữa.

Thứ hai là giao lượng bài vừa đủ và phù hợp với thời gian có và khả năng tiếp thu của sinh viên mỗi lớp.

Ví dụ như lớp học nghề điện tử mà có nhiều sinh viên học tốt Tiếng Anh và ít sinh viên đi làm thêm thì tôi giao 2 phần **Vocabulary** và phần **Listening** chẳng hạn nhưng lớp học nghề máy lạnh có ít sinh viên học tốt môn Tiếng Anh và nhiều sinh viên đi làm thêm thì vẫn cùng bài đó tôi chỉ giao 1 phần Vocabulary thôi.

Thứ ba là chia nhỏ bài tập khi giao. Ví dụ như khi tôi thấy bài Listening đó dài và khó thì tôi sẽ cắt file nghe đó làm nhiều đoạn để khi nghe các em dễ dàng nghe đi nghe lại nếu chưa rõ. Và phần Vocabulary mà có nhiều từ khó thì tôi sẽ gửi 5 hoặc 10 từ một lần vào cho các em học dần. Ngày gửi 2 lần hoặc ngày 1 lần hoặc 2 ngày 1 lần. tùy thuộc vào lượng từ trong mỗi phần. Tất nhiên là gửi cả bản ghi âm tôi đọc các từ đó.

Ngoài việc giao bài tập tự học theo từng kỹ năng trong cuốn **Bài tập tự học tiếng Anh** thì tôi cũng giao thêm và sử dụng thêm các hình thức giao bài tự học cho những lớp mà học tốt hơn như sau:

1. Xem clip trên YouTube và viết tóm tắt bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt

Ngày nay, việc tiếp cận các clip trên youtube không còn là điều khó khăn đối với sinh viên. Các nội dung trên youtube cũng khá phong phú và đa dạng, có thể hỗ trợ đắc lực việc học của sinh viên mà không bị chán nản hay mệt mỏi. Để cuốn hút và khơi gợi sự chăm chú của sinh viên thì tôi chọn các video ngắn, có ít từ mới, giọng nói rõ ràng, chậm và dễ hiểu phù hợp với khả năng hiểu biết của sinh viên và đặc biệt ý nghĩa của clip phải liên quan đến nội dung chủ đề học trên lớp. Tôi yêu cầu sinh viên xem clip rồi tóm tắt nội dung bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

2. Hát hoặc dịch 1 bài hát

Âm nhạc có sức mạnh rất kì diệu, đặc biệt là đối với những sinh viên có năng khiếu về ca hát. Tôi yêu cầu sinh viên hát những bài hát tiếng Anh rồi ghi âm lại hoặc nghe rồi dịch và ghi âm.

3. Chụp ảnh một thứ gì đó

Yêu cầu sinh viên chụp các bức ảnh có liên quan đến nội dung của bài học đã học rồi trình bày bằng Tiếng Anh với ý nghĩa của nó. Đó có thể là bức ảnh về mọi người đang chơi thể thao (sau khi học xong unit 2. Leisure time), hay hình ảnh của các di tích lịch sử ở địa phương (sau khi học xong Unit 3. Places), hay hình ảnh đang đi du lịch (sau khi học xong Unit 6. Vacation).. Đó thực sự là một bài tập tự học có ý nghĩa và thú vị. Nó không chỉ đòi hỏi học sinh phải biết quan sát, lựa chọn hình ảnh, liên hệ với nội dung bài học mà còn giúp sinh viên biết cách sử dụng hình ảnh như một phương tiện trong quá trình tư duy.

Trên đây là những ý kiến tham luận của tôi về “Bài học kinh nghiệm từ việc giao bài tập tự học cho sinh viên” tại Hội thảo về phương pháp giảng dạy tiếng Anh theo Đề án tích hợp môn học tiếng Anh với chương trình nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM XÂY DỰNG KẾ HOẠCH HỌC TẬP VÀ KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG BẮC NINH

Nguyễn Thị Minh

Giảng viên Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học- BCEC

Để từng bước nâng cao kết quả dạy và học theo Đề án tích hợp môn học tiếng Anh với chương trình nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên thì công tác xây dựng kế hoạch học tập và đánh giá năng lực cho sinh viên đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Vậy làm thế nào để xây dựng kế hoạch học tập và kế hoạch đánh giá năng lực cho sinh viên được hiệu quả, bài bản và có được sự phối hợp đồng thuận từ các Phòng, Khoa, Bộ môn, Trung tâm đồng thời cũng đảm bảo được đúng tiến độ học tập đã đề ra từ đầu năm của trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh.

Từ kinh nghiệm thực tế của tôi trong xây dựng kế hoạch học tập và kế hoạch đánh giá năng lực cho sinh viên tôi xin chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất một số giải pháp sau:

Đầu tiên đối với việc xây dựng kế hoạch học tập

1. Phối hợp với các Phòng, Khoa, Bộ môn, Trung tâm để lên kế hoạch về thời gian học, giờ học cụ thể, bố trí phòng học, thu học phí và điều chỉnh thời lượng thực hiện; nguồn học liệu và thiết bị dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá; xây dựng phân phối chương trình dạy học phù hợp với mục tiêu của đề án tích hợp của nhà trường.

2. Phối hợp với giáo viên quản lý lớp tìm hiểu và nắm bắt sĩ số cụ thể của từng lớp và từng đối tượng sinh viên, bao gồm cả các sinh viên cá biệt và lắng nghe các ý kiến đề xuất của giáo viên quản lý lớp từ đó có những cần điều chỉnh hoặc bổ sung cho phù hợp. Thông tin kịp thời tới giáo viên quản lý lớp khi có những vấn đề phát sinh.

Tiếp theo đối với việc xây dựng kế hoạch đánh giá năng lực cho sinh viên

1. Bám sát thường xuyên quá trình học tập, chuyên cần của sinh viên cùng với giảng viên giảng dạy và giáo viên quản lý lớp của từng lớp để kịp thời đôn đốc, nhắc nhở sinh viên. Động viên khích lệ sinh viên.

2. Việc xây dựng kế hoạch đánh giá năng lực cho sinh viên không chỉ dựa trên điểm thi cuối khóa mà còn dựa vào quá trình học tập thường xuyên của sinh viên để đảm bảo tính công bằng, toàn diện.

3. Nội dung đánh giá năng lực cho sinh viên cũng đảm bảo tính thực tiễn, bám sát vào chương trình học của Đề án.



Trên đây là những ý kiến tham luận của tôi với chủ đề” Kinh nghiệm xây dựng kế hoạch học tập và kế hoạch đánh giá năng lực cho sinh viên ” tại Hội thảo về phương pháp giảng dạy tiếng Anh theo Đề án tích hợp môn học tiếng Anh với chương trình nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên.

TẠO ĐỘNG LỰC HỌC TIẾNG ANH SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG BẮC NINH, THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Trương Thị Hồng Uyên

Giảng viên Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học- BCEC

Với mục đích nâng cao chất lượng dạy và học theo Đề án tích hợp môn học tiếng Anh cùng chương trình nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên thì động lực học Tiếng Anh, thực trạng và giải pháp đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Vậy làm thế nào để tạo động lực học tập môn Tiếng Anh cho sinh viên được hiệu quả, bài bản và có được sự phối hợp đồng thuận từ các Phòng, Khoa, Bộ môn, Trung tâm đồng thời cũng đảm bảo được đúng tiến độ học tập đã đề ra từ đầu năm của trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh.

Từ kinh nghiệm thực tế của tôi trong việc giảng dạy tôi xin chia sẻ kinh nghiệm về việc tạo động lực học, thực trạng và đề xuất một số giải pháp sau:

Đầu tiên đối với việc động lực học tập môn Tiếng Anh

1. Để tạo động lực trước hết cần phải tạo áp lực đối với người học (áp lực về điểm số, áp lực thi cử, cũng như áp lực về việc làm). Những áp lực này sẽ khiến cho người học cần phải nỗ lực để đạt đc cái mình muốn.

2. Động lực đơn giản được tìm thấy và được truyền tải từ chính những người thân hay bạn bè xung quanh ta (từ những lời động viên hay tấm gương học tập tốt từ bạn bè). Hay thậm chí từ chính những người học, người dạy trên mạng xã hội cũng là những động lực khiến chúng ta nỗ lực mỗi ngày.

3. Bên cạnh đó, động lực đôi khi được xuất phát từ chính bản thân người học. Bản thân muốn tìm hiểu về những thứ xung quanh, những thứ mình quan tâm bằng Tiếng Anh. Hay đôi khi người học muốn chinh phục bản thân qua các kỳ thi, chứng chỉ, bằng cấp.

4. Bên cạnh những áp lực muốn có thì phần thưởng cũng chính là động lực cho người học muốn cố gắng. Mỗi người học có thể tự thưởng cho bản thân sau khi đạt được kết quả, mục tiêu đề ra.

Tiếp theo đối với thực trạng động lực học Tiếng Anh trong mỗi học sinh, sinh viên

1. Phần lớn học sinh, sinh viên chưa tìm được động lực học tập cho bản thân mình, hay động lực chưa đủ lớn khiến cho việc học luôn bị trì trệ, kéo dài, dẫn tới hiệu quả chưa cao, chưa được cải thiện.
2. Bên cạnh yếu tố tìm động lực thì một số yếu tố ngoại cảnh xung quanh người học cũng làm cho việc học chưa đạt như mong muốn hay làm giảm động lực học tập.

Cuối cùng là giải pháp cho việc tạo động lực học Tiếng Anh

1. Người học cần tìm cho mình lý do để học tập (Học để làm gì? Sau này có sử dụng, cần thiết không?). Những lý do thuyết phục được người học sẽ khiến cho người học muốn tìm tòi, khám phá.
2. Tìm những động lực gần gũi, xung quanh đến từ người thân, bạn bè, mạng xã hội sẽ góp phần làm tăng thêm động lực mỗi ngày.
3. Tự tạo áp lực và đặt mục tiêu cho bản thân khi đã bắt tay vào thực hiện, học tập, nghiên cứu.

Trên đây là những ý kiến tham luận của tôi với chủ đề “Động lực học Tiếng Anh, thực trạng và giải pháp” tại Hội thảo về phương pháp giảng dạy tiếng Anh theo Đề án tích hợp môn học tiếng Anh với chương trình nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KHÓA HỌC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG BẮC NINH

Cao Thị Tú

Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng- BCEC

Đề án đào tạo tăng cường năng lực ngoại ngữ cho sinh viên trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh được triển khai từ năm 2021 và đến nay đã bước sang năm thứ 3, đã tổ chức đào tạo và đánh giá kết quả kết quả được cho 3 khóa K47, 48, 49 với gần 1000 lượt sinh viên. Kết quả qua các đợt đánh giá cho thấy trên 90% sinh viên đạt kết quả khá và giỏi. Để có thể đạt được kết quả cao như trên thì công tác giảng dạy và tổ chức học tập đóng một vai trò quan trọng và xây dựng đề kiểm tra đánh giá cuối khóa học đóng một vai trò không nhỏ. Đề kiểm tra cuối khóa là một trong những công cụ được dùng để đánh giá kết quả học tập của HSSV sau quá trình học tập.

Vậy làm thế nào để đề kiểm tra đánh giá được đúng năng lực, trình độ HSSV và chất lượng giảng dạy, đồng thời cũng đáp ứng được mục tiêu chương trình đầu ra đạt trình độ A2 là một nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển năng lực tiếng Anh của HSSV trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh.

Từ kinh nghiệm thực tế của tôi trong xây dựng đề kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh tôi xin chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất một số giải pháp sau:

1. Xác định mục đích, nội dung của đề kiểm tra: đánh giá kết quả học tập tiếng Anh của SV trường cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh. Xây dựng nội dung đánh giá thì các SV học các ngành nghề khác nhau nên đề kiểm tra phải phù hợp với các SV học. Nội dung phải bám sát vào chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra trình độ A2 của chương trình. Cấu trúc đề kiểm tra cần phải được phân bổ hài hòa các nội dung và giữa các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết. Nên thiết kế đề kiểm tra theo các mức độ dễ, trung bình và khó để đánh giá và phân loại được năng lực HSSV. Đồng thời xây dựng hướng dẫn chấm điểm chi tiết, chính xác và khoa học và thuận tiện cho quá trình đánh giá.

2. Xác định hình thức đề kiểm tra: cần Kiểm tra tiếng Anh có thể dùng dạng kiểm tra tự luận, kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp. Tại trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh thì kết hợp cả 3 hình thức trên. Trắc nghiệm áp dụng với đánh giá kỹ năng nghe, đọc. vấn đáp áp dụng cho kiểm tra kỹ năng nói. Đối với kỹ năng viết thì áp dụng cả tự luận và trắc nghiệm.

3. Sau khi kết thúc đánh giá, nên lấy ý kiến phản hồi từ HSSV và giáo viên cùng với kết quả kiểm tra đánh giá và báo cáo kết quả đánh để rút kinh nghiệm, có những điều chỉnh để các lần kiểm tra đánh giá sau sẽ thực hiện tốt hơn.

Trên đây là những ý kiến tham luận của tôi với chủ đề” Kinh nghiệm xây dựng đề kiểm tra đánh giá cuối khóa học ” tại Hội thảo về phương pháp giảng dạy tiếng Anh theo Đề án tích hợp môn học tiếng Anh với chương trình nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC ĐÀO TẠO TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CHO SINH VIÊN

Trần Đình Luận

Phó giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học- BCEC

1. Đặt vấn đề:

Theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam, sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và học sinh tốt nghiệp trình độ trung cấp có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam [2] và theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025, đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, 50% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai chương trình ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành, nghề đào tạo [3].

Đồng thời, tại một số các trường cao đẳng đã và đang triển khai các chương trình chất lượng cao, các chương trình liên kết cho một số ngành, nghề đào tạo. Cụ thể, tại Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh đã triển khai chương trình hợp tác với học viện Chisholm của Úc cho sinh viên ngành Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà Không khí và chương trình chất lượng cao đối với các nghề: Điện tử công nghiệp, Điện công nghiệp.

2. Thực trạng nhu cầu về năng lực ngoại ngữ của sinh viên:

Trên thực tế, học sinh sinh viên hiện nay thông thường được học tiếng Anh từ lớp 3 theo Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020 [4] và điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 (ban hành theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/09/2008 và Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng chính phủ) và thêm 03 năm học ở bậc học cao đẳng, chưa kể ngày càng nhiều trẻ em ở các thành phố đã được học tiếng Anh từ mẫu giáo. Tuy nhiên, nhìn chung năng lực ngoại ngữ, cụ thể là tiếng Anh của học sinh, sinh viên còn nhiều hạn chế đặc biệt là sự đồng đều giữa các kỹ năng, trong đó yếu nhất vẫn là kỹ năng nghe và kỹ năng nói.

Thứ hai, trình độ của sinh viên không đồng đều và có sự khác biệt khá lớn về năng lực tiếng Anh giữa họ. Thường trong một lớp học sẽ bao gồm các trình độ từ sơ cấp đến trung. Những lớp học đa trình độ như vậy sẽ gây nhiều khó khăn cho giảng viên, khiến họ khó có thể quán xuyến hết tất cả sinh viên, từ đó gây trở ngại cho cả việc dạy và học. Mặt khác, chỉ có 48,3% sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu tiếng anh đối với hệ đại học, đối với trình độ cao đẳng tỷ lệ này còn thấp hơn nhiều.

Theo chỉ số năng lực tiếng Anh toàn cầu năm 2022 (EF EPI 2022) năng lực tiếng Anh của Việt Nam ở mức trung bình so với thế giới và khu vực (Việt Nam

đứng thứ 34/80 quốc gia trên thế giới và đứng thứ 7/24 các quốc gia trong khu vực Châu Á) [5]. Tuy nhiên đánh giá này chỉ dựa vào điểm thi của thí sinh đến từ các nước trong một năm chứ không phải năng lực của người dân, hay lao động. Bên cạnh đó, các báo cáo về trình độ lao động và việc làm của các tổ chức như: Ngân hàng Thế giới (WB) hay Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) đều chỉ ra tiếng Anh là một trong những kỹ năng yếu kém của lực lượng lao động Việt Nam, hạn chế năng lực cạnh tranh ngay trên khu vực ASEAN [6]. Một thực tế khác, là chính các doanh nghiệp có vốn FDI đang đầu tư Việt Nam khẳng định, học sinh sinh viên tốt nghiệp ra trường không chỉ yếu về kiến thức chuyên môn mà còn yếu cả về kỹ năng mềm và ngoại ngữ.

3. Đề xuất giải pháp tổ chức đào tạo tăng cường năng lực ngoại ngữ cho sinh viên:

Một là, bổ sung môn học, nội dung chương trình học tập môn ngoại ngữ

Xu hướng phát triển giáo dục nói chung và giáo dục nghề nghiệp nói riêng đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế đòi hỏi nội dung chương trình đào tạo phải thay đổi theo thị trường lao động trong nước và ngoài nước. Nội dung môn học cần phải được rà soát, cập nhật theo kịp sự phát triển của xã hội không lên có tham vọng dạy tất cả kiến thức nhân loại có mà cần chắt lọc dạy những gì người học và xã hội đương đại cần. Trên cơ sở đó, trong những năm qua Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh song hành triển khai giảng dạy môn học Ngoại ngữ theo chương trình trung cấp, cao đẳng, Nhà trường đã có nhiều giải pháp nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên theo Đề án tăng cường năng lực ngoại ngữ và Đề án tích hợp tổ chức thực hiện chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng kết hợp với chương trình đào tạo tiếng Anh tăng cường năng lực ngoại ngữ cho sinh viên. Nhà trường đã và đang đào tạo tăng cường năng lực ngoại ngữ cho 100% sinh viên của nhà trường đạt chuẩn tương đương A2 với 1011 sinh viên đã hoàn thành chương trình và tiếp tục nhân rộng và triển khai đề án cho các khoá tiếp theo.

Hai là, định hướng phương pháp giảng dạy

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và mở rộng hợp tác như hiện nay, các trường chủ động giao lưu hợp tác trong nước và quốc tế, qua đó mở ra cơ hội điều kiện để giao lưu, trao đổi kinh nghiệm và tiếp cận được các phương pháp giảng dạy từ bên ngoài. Mặt khác, cần thay đổi dạy môn ngoại ngữ chuyên ngành nên chọn các bài nghiên cứu hoặc bài báo chuyên ngành hay những bài thuyết trình của các chuyên gia có liên quan để ngành nghề đào tạo. Do đó cần có sự phối hợp giữa giảng viên giảng dạy ngoại ngữ và giảng viên tại các khoa trực tiếp đào tạo các ngành nghề đào tạo tại các nhà trường để đạt được hiệu quả cao, có thể nhờ các giảng viên đã học ở nước ngoài của ngành nghề đào tạo dạy sẽ tốt hơn.

Ba là, phát triển hình thức câu lạc bộ ngoại ngữ

Tạo điều kiện để phát triển hình thức tổ chức hoạt động của Câu lạc bộ ngoại ngữ trong các nhà trường nhằm thu hút đông đảo học sinh sinh viên tham gia bằng các nội dung sinh hoạt phong phú. Đồng thời, tăng cường giao lưu với người nước

ngoài trong các hoạt động của câu lạc bộ để nâng cao sự tự tin trong giao tiếp cho học sinh sinh viên.

Bốn là, thay đổi hình thức kiểm tra, đánh giá về chuẩn đầu ra tiếng Anh

Trong quá trình kiểm tra để cấp chứng chỉ, chứng nhận chuẩn đầu ra tiếng Anh nhất thiết phải kiểm tra mức độ sử dụng ngoại ngữ. Kiểm tra đầy đủ phải bao gồm 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, trong đó đặc biệt chú trọng đến kỹ năng nói với các chủ đề trong bài nói làm tăng khả năng sử dụng vốn từ và ngữ cảnh phù hợp với điều kiện thực tế.

5. Kết luận

Học ngoại ngữ là học tập suốt đời, nhất thiết phải rèn luyện ngoại ngữ căn bản từ trung học cơ sở và phổ thông hay học kỳ đầu khi vào học cao đẳng. Trong môi trường cao đẳng tiếp tục học ngoại ngữ nâng cao và ngoại ngữ chuyên ngành. Nếu thực hiện tốt những cải tiến nêu trên cả về giảng viên và sinh viên thì vấn đề nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên không là vấn đề khó giải quyết. Bên cạnh sự nỗ lực của giảng viên, chiến lược phát triển và chính sách hỗ trợ của nhà trường góp phần quan trọng trong lĩnh vực nâng cao năng lực ngoại ngữ cho hội nhập và phát triển cơ hội nghề nghiệp cho học sinh sinh viên.

I. Dạy học trực tuyến (online) là gì?**1. Đặc điểm dạy học online**

Dạy học online (hay dạy học trực tuyến) là hình thức giáo dục trực tuyến thông qua các phương tiện điện tử như: điện thoại, máy tính hoặc máy tính bảng có kết nối Internet.

Nhìn chung, tại Việt Nam, có 2 loại hình dạy và học trực tuyến chính:

Thứ nhất là các khoá học online với các bài giảng, tài liệu (dưới dạng văn bản, hình ảnh, video...) được đưa lên các nền tảng và người dùng có thể dễ dàng truy cập và học mọi lúc mọi nơi.

Thứ hai là các khóa học cùng thời gian thực, có sự tham gia và tương tác giữa giáo viên và học viên. Giáo viên và học sinh có thể giảng dạy, học tập tại nhà mà không cần di chuyển tới trường học, trung tâm hay địa điểm tổ chức lớp học.

Trong bài viết này, chúng ta sẽ tập trung vào loại hình dạy và học trực tuyến có tương tác giữa giáo viên và học viên.

Một số đặc điểm liên quan đến mặt tổ chức của loại hình này:

Vị trí	Phòng học ảo, phụ thuộc vào điều kiện mạng.
Công cụ giảng dạy và giao tiếp	Sử dụng các công cụ và phương pháp giảng dạy trên nền tảng số như Zoom, Google Meet, Microsoft Team và các công cụ hỗ trợ giảng dạy khác khác.
Chi phí vận hành (*)	Cần chi trả hàng tháng cho các phần mềm dạy học.
Tính linh hoạt	Lịch học linh hoạt, không bị phụ thuộc vào đặt lịch phòng học, cũng như di chuyển.
Tính lưu trữ	Có thể lưu trữ video bài giảng.

() Các chi phí phức tạp hơn liên quan đến marketing hay quản lý, hành chính sẽ không được nhắc đến ở đây do còn tùy thuộc vào quy trình quản lý chất lượng và quy mô trung tâm/ lớp học. Bài viết chỉ tập trung vào các chi phí cơ bản để vận hành một lớp khi đã có học sinh.*

2. Ưu điểm dạy học online

Hiện nay, dạy và học trực tuyến đang ngày càng trở nên phổ biến nhờ các ưu điểm nổi bật sau:

– Linh động và uyển chuyển: Giáo dục trực tuyến là một hệ thống học tập linh hoạt, cho phép học sinh học qua Internet trên máy tính cá nhân tại nhà, hoặc bất cứ nơi nào họ thấy phù hợp. Điều này đồng nghĩa với việc gặp mặt trực tiếp giữa giáo viên và học sinh là không bắt buộc, cho phép học sinh học ở bất kỳ đâu. Ưu điểm này được chứng tỏ rõ ràng nhất qua thời kỳ dịch bệnh Covid-19, khi nhờ hình thức này, các lớp học vẫn có thể diễn ra theo kế hoạch mà nguy cơ nhiễm bệnh cũng được hạn chế.

– Áp dụng công nghệ hiện đại mới: với lớp học trực tuyến, giáo viên có thể áp dụng nhiều công cụ hiện đại hỗ trợ (các website tạo trò chơi tiện lợi, các ứng dụng học trực tuyến như Zoom với nhiều tính năng,...) trong quá trình chuẩn bị tài liệu dạy học hay chính trong quá trình truyền đạt kiến thức cho học viên. Mỗi buổi học trực tuyến đều có thể được lưu trữ nhờ những ứng dụng này, các học viên sẽ có thể xem lại bài giảng trong trường hợp không tham gia được buổi học hoặc chưa hiểu kiến thức.

– Hệ thống hóa: Những **hệ thống học tập trực tuyến** (chẳng hạn hệ sinh thái của Google, các nền tảng All-in-one như Notion) cho phép học viên dễ dàng tham gia khóa học, và có thể theo dõi kết quả cũng như tiến độ học tập. Giáo viên có thể biết được những học viên nào tham gia khóa học, theo quá trình học tập (làm bài về nhà, đọc tài liệu, làm các quiz, làm bài kiểm tra...) và đưa ra giải pháp thực hiện giúp họ phát triển trong quá trình học.

	Apr 28 Test 4 Phase 1 out of 100	Apr 28 Test 4 Phase 1 out of 100	Apr 27 Homework k - Unit 12	Apr 24 Homework k - Unit 11	Apr 20 Homework k - Unit 10	Apr 14 Test 3 Phase 1 out of 100	Apr 14 Test 3 Phase 1 out of 100	Apr 13 Homework k - Unit 9
Sort by last name								
Class average	64.42	67.5	N/A	N/A	N/A	82.75	69.87	N/A
[Avatar]	56 Done late	Not assigned	✓ Done late	✓ Done late	✓ Done late	Not assigned	67	Turned in Done late
[Avatar]	Missing	Not assigned	Missing	Turned in	✓	Not assigned	70.75	✓
[Avatar]	57	Not assigned	✓	✓ Done late	✓ Done late	Not assigned	52.75	✓ Done late
[Avatar]	63.5	Not assigned	✓	✓	✓	Not assigned	71.5	✓
[Avatar]	57.5	Not assigned	✓	✓	✓ Done late	Not assigned	65	✓
[Avatar]	Missing	Not assigned	Missing	✓ Done late	✓ Done late	82.75	Not assigned	✓ Done late
[Avatar]	Not assigned	Not assigned	Missing	Missing	Missing	Not assigned	72.25	✓ Done late

Hình 1. Ví dụ về hệ thống điểm của Google Classroom

– Tiết kiệm chi phí và thời gian:

+ Đối với các trung tâm/tổ chức giáo dục: khi tổ chức lớp học theo hình thức trực tuyến, các trung tâm/cơ sở giáo dục sẽ tiết kiệm được các chi phí liên quan đến mặt bằng, in ấn tài liệu, văn phòng phẩm, cơ sở vật chất (máy chiếu, điều hoà,...)

+ Đối với các học viên: các lớp học trực tuyến thường sẽ có học phí thấp hơn do các trung tâm không phải lo liệu các chi phí khác như khi học trực tiếp (như đã đề cập ở trên); học viên cũng không cần tốn các khoản phí và thời gian đi lại.

+ Đối với các giáo viên: các giáo viên cũng không phải chi tiêu nhiều cho việc đi lại và cũng không mất thời gian di chuyển đến địa điểm dạy.

3. Nhược điểm dạy học online

Tuy nhiên, dạy và học online vẫn có một số điểm hạn chế:

– Phụ thuộc vào kết nối mạng: Nếu kết nối mạng chậm/mất kết nối mạng, buổi học sẽ bị gián đoạn. Điều này ảnh hưởng đến tâm trạng của người dạy, người học và tiến trình bài giảng.

– Khó khăn khi sử dụng các công nghệ: Giáo viên và học sinh đều có thể gặp trục trặc và bối rối khi sử dụng các công cụ dạy và học trực tuyến nếu không có sự hướng dẫn và chuẩn bị trước

– Hạn chế về tương tác trên lớp:

+ Giảng dạy trực tuyến giống như giao tiếp mà gần như không có ngôn ngữ cơ thể (body language). Đối với những công việc mà nhiệm vụ chính là truyền tải thông điệp thì việc bị hạn chế về sử dụng ngôn ngữ cơ thể là một trở ngại rất lớn

+ Tương tác với các bạn học cùng lớp sẽ không nhiều, khiến học sinh giảm hứng thú học tập.

+ Học sinh dễ bị mất tập trung do có nhiều sao nhãng xung quanh trong quá trình học. Giáo viên cũng khó có thể quan sát và đôn đốc nếu học sinh từ chối mở camera.

– Việc chuẩn bị nội dung cần nhiều thời gian và công sức: Do sự hạn chế về mặt tương tác nêu trên, việc tạo ra các hoạt động mang tính chất vừa học vừa giải trí cũng là điều cần thiết hơn cả. Nhưng để thực hiện được điều này, bên cạnh thời gian thiết kế tài liệu thuyết trình (slide Powerpoint), các thầy cô sẽ cần đầu tư thêm cả thời gian và sự sáng tạo khi thiết kế hoạt động.

– Tiếp xúc nhiều với các thiết bị điện tử: việc học trực tuyến có thể khiến giảng viên và học viên phải ngồi trước máy tính và các thiết bị điện tử trong nhiều giờ, điều này có thể gây ra mỏi mắt và cơ thể trở nên uể oải.

II. Gợi ý các phương pháp dạy học online hiệu quả

Có thể nói, hạn chế rõ ràng nhất của việc dạy và học trực tuyến là hạn chế về tương tác trên lớp. Vì vậy, để việc dạy và học online hiệu quả hơn, giáo viên có thể tham khảo một số phương pháp như sau:

1. Phương pháp dạy học theo dự án (Project-based learning)

Phương pháp dạy học theo dự án là một phương pháp mới, chủ động, khác hẳn những phương pháp giáo dục truyền thống trong đó đa số dựa vào việc đơn thuần để giáo viên giảng dạy.

Khi dạy các học viên là sinh viên hoặc độ tuổi cuối cấp trung học phổ thông, giáo viên có thể tổ chức dạy học bằng phương pháp dạy học theo dự án. Giáo viên từ vai trò người giảng dạy (lecturer) thành người điều phối (facilitator) các hoạt động học; người học tự lựa chọn chủ đề, xác định các nhiệm vụ cụ thể, tự tổ chức,

tự giải quyết nhiệm vụ. **Phương pháp này rất phù hợp để nâng cao hiệu quả của lớp học online** vì khi học viên được chia thành các nhóm và chủ động thực hiện phần lớn các nhiệm vụ, **tương tác giữa các bạn sẽ cao hơn rất nhiều.**

Ví dụ dễ thấy nhất của phương pháp project-based learning và hiệu quả của phương pháp này trong lớp online là giao cho học viên một Final assignment/Final project vào cuối một khoá học/kỳ học:

- Mục tiêu cần đạt của phần này thường sẽ là Tổng kết & xâu chuỗi các mảng kiến thức đã học trong khoá
- 1 khoá học trung bình có thể kéo dài đến 2-3 chục buổi. Khối lượng kiến thức từ đó cũng sẽ rất lớn, vì vậy giáo viên có thể chia các projects khác nhau (mỗi project là một mảng kiến thức) và giao cho học viên làm việc nhóm đối với từng project.
- Mỗi nhóm sẽ đảm nhiệm một cái project khác nhau trên cơ sở tự chủ.

Tuy nhiên, các khâu cũng sẽ cần có giáo viên hướng dẫn/định hướng.

Ví dụ với phần “Xác định chủ đề” – giáo viên xác định các mảng kiến thức – sau đó có 2 phương án: (1) cho học viên chọn chủ đề yêu thích; hoặc (2) assign cho từng nhóm (với cách thứ (2) thì giáo viên cần phải hiểu rõ học viên của mình – bạn nào mạnh gì yếu gì – từ đó có sự sắp xếp phù hợp)

- Cách thức hoàn thành project, phân chia đầu việc,... sẽ do nội bộ nhóm quyết định và thực hiện. Các bạn có thể thực hiện trao đổi dễ dàng qua ứng dụng Zoom khi lên lớp, hay qua Messenger khi hết giờ học. Phần nội dung thuyết trình các bạn có thể cùng nhau hoàn thành trên Google Docs, và nộp lại để nhận feedback của giảng viên qua Google Classroom.
- Kết quả có được cuối project có thể được thuyết trình qua Zoom với slides hoặc poster do chính các học viên thiết kế và trình bày. Việc này cũng sẽ khá dễ dàng với tính năng chia sẻ màn hình và Slide control của Zoom.

2. Phương pháp trò chơi (Game-Based Learning)

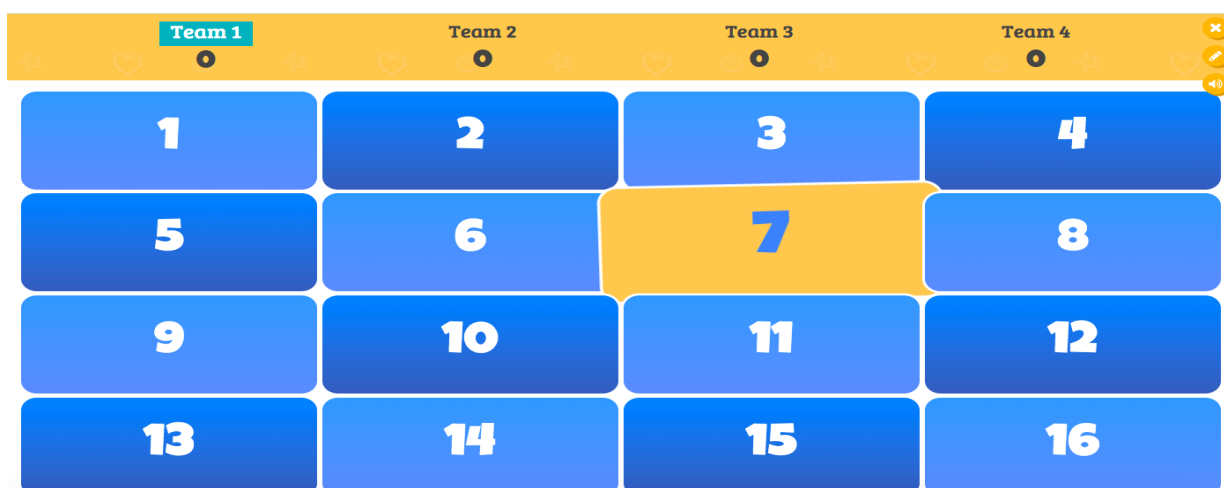
Phương pháp dạy học trò chơi là phương pháp giáo viên thông qua việc tổ chức các trò chơi liên quan đến nội dung bài học, có tác dụng phát huy tính tích cực nhân thức, gây hứng thú học tập cho học sinh. Qua trò chơi, học sinh tiếp thu kiến thức một cách nhẹ nhàng, tự nhiên, đồng thời qua trò chơi phát triển sự tự giác, tự chủ của học sinh.

Phương pháp này có thể nâng cao hiệu quả của một lớp học online thông qua việc gây hứng thú cho học viên, giảm thiểu hạn chế liên quan đến mức độ tập trung của các học viên. Và tất nhiên, tương tác giữa giảng viên với học viên và giữa học viên với nhau cũng được đẩy mạnh.

Ví dụ về phương pháp trò chơi được thực hiện trong 1 lớp học online:

- *Thời lượng: 15-20'*
- *Trình độ: Tất cả các trình độ*

- *Ứng dụng sử dụng: Bamboozle*
- *Mục đích: Ôn tập từ vựng đã học ở buổi trước*
- *Chuẩn bị: GV chuẩn bị list từ vựng đã học ở buổi trước*
- *Cách thức triển khai:*
 - *Chia lớp thành các nhóm 3-4 người.*
 - *Lần lượt các nhóm cử 1 thành viên chọn số. Sau khi nhóm đề cử thành viên, giáo viên có thể trao quyền Remote Control cho thành viên đó để toàn quyền chọn con số trên màn hình.*
 - *Con số sẽ được lật lên, có thể là câu hỏi, hoặc là các phần thưởng/hình phạt ngẫu nhiên.*
 - *Nếu con số lật lên là câu hỏi, thành viên chọn số sẽ cần trả lời câu hỏi đó.*
 - *Các câu hỏi sẽ bao gồm hình ảnh để gợi nhớ về từ vựng cho học viên.*
 - *Trả lời đúng sẽ được một số điểm tương ứng.*
 - *Đội chiến thắng là đội giành được nhiều điểm nhất*



Hình 2. Ví dụ về trò chơi trực tuyến trong lớp học online

3. Phương pháp cá nhân hoá trong khi truyền đạt kiến thức

Phương pháp cá nhân hoá, nói một cách đơn giản là phương pháp đảm bảo với quy mô lớp đông, học viên vẫn có được sự quan tâm đầy đủ từ giảng viên. Giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, bài tập phù hợp với trình độ, kỹ năng và sự hứng thú của học viên.

Với quy mô lớp đông, đặc biệt là trong lớp học online, việc có sự tập trung dành cho mỗi cá nhân tương đối khó, vì giáo viên cần phải cân bằng giữa việc truyền tải lượng kiến thức lớn với việc chia sự chú ý này đến cá nhân học viên. Vì vậy, để làm được điều này, giáo viên cần phải có kỹ năng tốt cũng như cần đảm bảo mình nắm chắc trình độ và hiểu rõ tâm lý của lớp học, sao cho có cách tiếp cận phù hợp nhất với cả lớp nói chung và từng học viên nói riêng, khiến cho mỗi học viên trong lớp đều có thể cảm nhận được sự quan tâm, tận tình của giảng viên, và

cảm thấy bản thân được chú ý trên lớp, cũng như tập trung hơn vào bài giảng, giảm thiểu hạn chế về sự tập trung trong lớp học online.

Ví dụ về cách thực hiện phương pháp cá nhân hoá khi tương tác và truyền đạt kiến thức với học viên trong một lớp học tiếng Anh online:

– Trong lúc giảng dạy, giảng viên nên tránh việc nói quá nhiều thông tin một lúc mà thay vào đó, nên vừa giảng dạy vừa đặt những câu hỏi cho học viên để đảm bảo. Việc giữ tương tác đều từ 2 chiều cho lớp là rất quan trọng. Với các phần lý thuyết dài/khó, nếu giảng viên giảng lâu thì học viên sẽ khó duy trì được sự tập trung.

– Trong quá trình giảng dạy, cá nhân hoá hướng đến việc mỗi một học sinh đều được chú ý, đều có sự tương tác mang tính cá nhân với giảng viên. Để làm được điều này, giảng viên cần chia đều sự chú ý cho học viên, không chỉ tập trung vào một vài học viên giỏi. Mỗi học viên đều nên được gọi ít nhất một lần trong lớp, có thể chỉ đơn giản hỏi học viên kiểm tra nghĩa hoặc phát âm một từ nhất định – những câu hỏi mà bất kì đối tượng học viên nào cũng có thể trả lời được.

=> Như vậy, ngay cả trong trường hợp học viên không bật camera, giảng viên vẫn có thể kiểm tra mức độ tập trung vào bài học của học viên

III. Dạy học online kết hợp hình thức dạy offline

Hiện nay, sau khi đại dịch Covid đang tạm lắng dần, các trường học, cơ sở giáo dục và các trung tâm cũng đang dần quay trở lại với hình thức học truyền thống, đó là dạy và học trực tiếp. Nhưng nếu chỉ vì vậy mà bỏ qua những lợi ích của việc dạy và học online thì quả là đáng tiếc. Thế nên, câu hỏi đặt ra là làm thế nào để tổ chức một lớp học offline (trực tiếp) nhưng vẫn duy trì được phần lớn các công cụ và lợi ích của dạy và học online. Và hình thức kết hợp (blended learning) có thể là một đáp án phù hợp cho câu hỏi này.

1. Đặc điểm hình thức kết hợp (blended learning)

Blended Learning nói dễ hiểu là một hình thức học tập tích hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, tức là sự kết hợp giữa hình thức đào tạo online sử dụng các nền tảng công nghệ và hình thức lớp học truyền thống quen thuộc.

Blended Learning tập trung chủ yếu vào vai trò của người học. Khi đào tạo theo hình thức này, học viên có thể tự do truy cập vào nền tảng online để tiếp thu kiến thức, tham khảo tài liệu dưới các định dạng phong phú như video, slideshow, lớp học ảo.... với tốc độ phù hợp với bản thân mình tại bất kỳ đâu, bất kỳ khi nào bạn muốn. Điều này chính là đặc điểm mà e-Learning (học trực tuyến) sở hữu.

Vì là “đưa con lai” giữa đào tạo truyền thống và trực tuyến, Blended Learning còn sở hữu tính tương tác cao của các lớp học trực tiếp. Giảng viên khi đó không phải là nguồn thông tin chính mà chỉ đóng vai trò như người hướng dẫn giải đáp trực tiếp những thắc mắc mà học viên không thể nhận được qua chương trình online.

2. Ưu điểm của hình thức kết hợp

– Tính tương tác cao và rất đa dạng: Học viên được tiếp cận với nhiều nguồn tài liệu một lúc, cả tài liệu bản cứng giáo viên cung cấp trực tiếp trên lớp và các tài liệu trực tuyến (ảnh minh họa, các video clips, trò chơi trên các website,..) . Ngoài ra, học viên còn được tương tác với những đối tượng khác nhau (giáo viên, các học viên khác, các đối tượng khác ngoài phạm vi lớp học,...)

– Môi trường học đầy linh hoạt, không giới hạn về không gian, thời gian, tùy theo nhu cầu, sở thích của học viên. Tại hình thức này, người học được thực sự trở thành trung tâm của lớp học.

– Đối với mô hình này, các yêu cầu về chuẩn đầu ra, kết quả và thái độ học tập của học viên được kiểm soát chặt chẽ. Điều này không chỉ tốt cho học viên mà còn tốt cho các giáo viên và trung tâm. Giáo viên và trung tâm sẽ có những đánh giá tốt nhất về quá trình giảng dạy và xây dựng lớp học, từ đó cải tiến và hoàn thiện thêm về chương trình dạy và học.

3. Nhược điểm của hình thức kết hợp

– Khó khăn trong việc đảm bảo về cơ sở vật chất: Với hình thức kết hợp, cơ sở vật chất của trung tâm đào tạo rất quan trọng. Các trang thiết bị, phần mềm hiện đại như máy chiếu, máy tính kết nối Internet tốc độ cao, máy in, phòng học đa phương tiện, các phần mềm quản lý ...là những thiết bị bắt buộc để phục vụ công tác giảng dạy theo hình thức này. Những trang thiết bị này có thể sẽ tiêu tốn một khoản lớn vào công tác đầu tư ban đầu của nhà trường và trung tâm. Không chỉ vậy, vì còn kết hợp với hình thức trực tiếp, nên các cơ sở giáo dục vẫn phải chịu chi phí về mặt bằng và các văn phòng phẩm khác.

– Trở ngại liên quan đến trình độ tin học và kĩ thuật công nghệ: nhiều giảng viên có trình độ chuyên môn cao, nhưng trình độ công nghệ lại chưa tốt, đặc biệt là các giảng viên lớn tuổi, sẽ có thể bị ảnh hưởng rất nhiều về mặt tâm lý và gặp nhiều áp lực khi triển khai hình thức này. Vì vậy ngoài có việc hệ thống cơ sở vật chất tốt, thì sự hỗ trợ phù hợp cho giáo viên là cần thiết để thiết kế các bài giảng trực tuyến, quản lí lớp trực tuyến .

– Đòi hỏi cao về ý thức tự giác của người học: Bản chất của mô hình học tập kết hợp blended learning là giáo viên phải cởi mở trong phong cách giảng dạy, thoát khỏi những khuôn khổ cũ để phù hợp với cách thức mới lấy người học làm trung tâm. Điều này đòi hỏi học viên phải có ý thức tự chủ cao mới có thể phát huy được những lợi ích tích cực của mô hình học tập kết hợp blended learning này.

IV. Các gợi ý để buổi giảng dạy kết hợp offline và online hiệu quả hơn

Để một buổi giảng dạy theo hình thức kết hợp offline và online đạt hiệu quả hơn, các giảng viên có thể tham khảo một số mô hình sau:

1. Mô hình 1: Flipped classrooms (lớp học đảo ngược)

Mô hình này về cơ bản chính là đảo ngược quy trình một lớp học truyền thống, bằng cách cung cấp các đoạn ghi hình bài giảng cho học sinh nghiên cứu

trước ở nhà, sau đó giảng viên sẽ cùng học sinh lên lớp bàn luận và đào sâu kiến thức.

Ví dụ cụ thể về 1 lớp học đảo ngược về tiếng Anh có thể được tiến hành như sau:

Bước 1: Học viên chuẩn bị và làm quen trước với bài giảng hôm sau thông qua các video và bài tập đã được ghi hình trước đó. Các từ mới được tra đầy đủ để học viên có tổng quan trước

Bước 2: Học viên tới lớp và thảo luận cùng các giáo viên và lớp học dựa trên những nghiên cứu trước đó. Giáo viên tổ chức các hoạt động và trả lời các thắc mắc của học viên nếu có đề đào sâu kiến thức bài giảng

Bước 3: Học viên làm bài về nhà trên hệ thống online. Giáo viên chấm và chữa online. Nếu học viên có bất kì câu hỏi nào về đáp án, giáo viên sẽ trả lời trực tiếp tại lớp học vào buổi sau

2. Mô hình 2: Hybrid learning (đào tạo hỗn hợp)

Trong mô hình này, học viên có thể đồng thời tham gia lớp học trực tiếp và lớp học ảo. Hybrid Learning cho phép người học truy cập và sử dụng các nguồn tài nguyên của khóa học bất cứ khi nào họ muốn. Giảng viên sẽ giảng dạy cả 2 nguồn học viên (trực tiếp và thông qua lớp học ảo) cùng một lúc, ví dụ bằng cách sử dụng các công cụ như livestream (chiếu trực tiếp).

Ví dụ như sau:

A và B – 2 sinh viên đang theo học cùng một lớp quản lý. Họ phải tham gia một lớp học lúc 2:00 chiều. A tham gia lớp học trực tiếp trong khi B lại thích học online ở nhà. Bài giảng khóa học và tài liệu được cung cấp trực tuyến trên nhóm lớp (trên Facebook hoặc hệ thống LMS như Google classroom) và tất cả học viên đều có thể truy cập. Giảng viên cũng đồng thời giảng dạy trực tiếp và sử dụng điện thoại/laptop để livestream. Điều này giúp A và B dễ dàng tham gia cùng một bài giảng theo cách mà họ thích.

3. Mô hình 3: Technology-enhanced learning (đào tạo tăng cường sử dụng công nghệ)

Mô hình này về bản chất là các lớp học sử dụng các công nghệ/ứng dụng làm công cụ trong lớp học. Các cách tăng cường sử dụng công nghệ rất đa dạng, chẳng hạn như sau:

– Việc sử dụng màn hình/máy chiếu (với chức năng như share screen trên Zoom) giúp hạn chế chi phí in ấn/công sức in ấn & thời gian phát handout ở lớp. Điều này còn giúp học viên tránh làm thất lạc tài liệu học của mình.

– Toàn bộ bài tập về nhà, các bài kiểm tra của học viên được chuyển sang online sử dụng hệ thống Google Classroom ở cả trên lớp học trực tiếp. Việc này có thể tiết kiệm thời gian chấm chữa bài cho giáo viên, và giáo viên cũng có thể dẫn link hoặc đưa các tài liệu tham khảo khác cho học viên tại những dòng bài tập có liên quan. Ở phía người học cũng dễ dàng theo dõi nhận xét của giáo viên hơn dựa

trên các công cụ như Google Doc/Spreadsheet được thiết kế để hỗ trợ Tính năng Nhận xét/Đề xuất, Đây là một điều rất khó để triển khai khi thực hiện chấm chữa bài tại lớp học trực tiếp truyền thống.

– Giáo viên khi sử dụng công cụ điểm danh Online (Quét mã QR) sẽ giúp tiết kiệm thời gian điểm danh, tránh mất vào thời gian học của lớp.

V. Các ứng dụng có thể hỗ trợ giảng dạy kết hợp offline và online

- **Zoom:** hỗ trợ việc dạy và học trực tuyến, có thể tách thành các phòng học nhỏ để học sinh thảo luận. (tham khảo: 5 công cụ hỗ trợ dạy học online hiệu quả về 5 công cụ hỗ trợ giảng dạy; HDSD Zoom từ A đến Z để dạy học trực tuyến hiệu quả)



- **Google Classroom:** Google Classroom hay Google lớp học là một Learning Management System (LMS) – Hệ thống quản lý học trực tuyến miễn phí do Google xây dựng, được tích hợp với các dịch vụ khác của Google như Google Drive, Google Tài liệu, Google Trang tính, Google Slide... . Hệ thống này giúp giáo viên sắp xếp công việc giảng dạy của mình một cách đơn giản và hiệu quả nhất thông qua việc cải thiện khả năng giao tiếp và cộng tác giữa học viên với giáo viên, học viên với học viên và giáo viên với giáo viên.

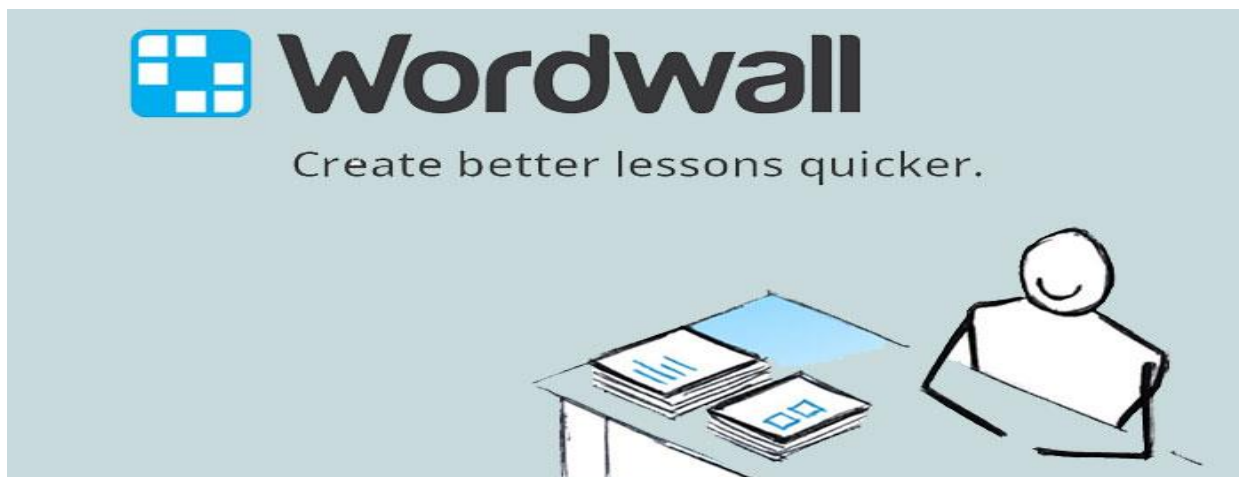
(tham khảo 5 công cụ hỗ trợ dạy học online hiệu quả Chấm và chữa bài tập về nhà trên Google Classroom)

- **Notion:** Notion là ứng dụng ghi chép, cho phép người dùng lên kế hoạch, ghi chú, tổ chức công việc và cuộc sống. Ứng dụng này được miêu tả là all-in-one workspace. Nghĩa là tất tần tật mọi thứ đều có thể lưu trữ vào trong một không gian.

Với Notion, giáo viên có thể soạn giáo án, kết hợp với đăng tải tài liệu, đính kèm các đường liên kết cho học sinh.

Giáo viên quản lý tài liệu của mình dễ dàng và tiện lợi hơn, học viên cũng sẽ có thể theo dõi bài giảng và tài liệu một cách nhanh chóng. (Tham khảo E13 Notion – Công cụ quản lý học tập hiệu quả)

- **Wordwall:** Wordwall là công cụ dạy học trực tuyến dùng để thiết kế những nội dung thực hành cho học sinh như trò chơi. Các thầy cô sẽ thiết kế nội dung học sinh cần làm trên Wordwall với những mẫu có sẵn, sau đó gửi link cho học sinh để luyện tập và làm bài. Tất cả kết quả của học sinh sẽ đều được hiển thị tại giao diện kết quả của thầy cô để biết được khả năng của học sinh.(tham khảo thêm [5 công cụ hỗ trợ dạy học online hiệu quả](#))



- **Kahoot!:** Kahoot! là một nền tảng học tập dựa trên trò chơi giúp người dùng dễ dàng tạo, chia sẻ và chơi các trò chơi học tập hoặc câu đố đố trong vài phút. Kahoot! không cần cài đặt phần mềm, các câu hỏi có thể được tạo ra nhanh chóng và đơn giản. Hơn nữa, các câu trả lời của HS được ghi trong một Excel, điều này giúp GV dễ dàng phân tích dữ liệu và đưa ra quyết định phù hợp. Mặt khác, công cụ này cho phép người dùng xây dựng các câu hỏi trắc nghiệm với dữ liệu đa dạng bao gồm hình ảnh, video và sơ đồ giúp thiết kế hấp dẫn hơn cho HS và do đó, tăng động lực trong quá trình học tập.

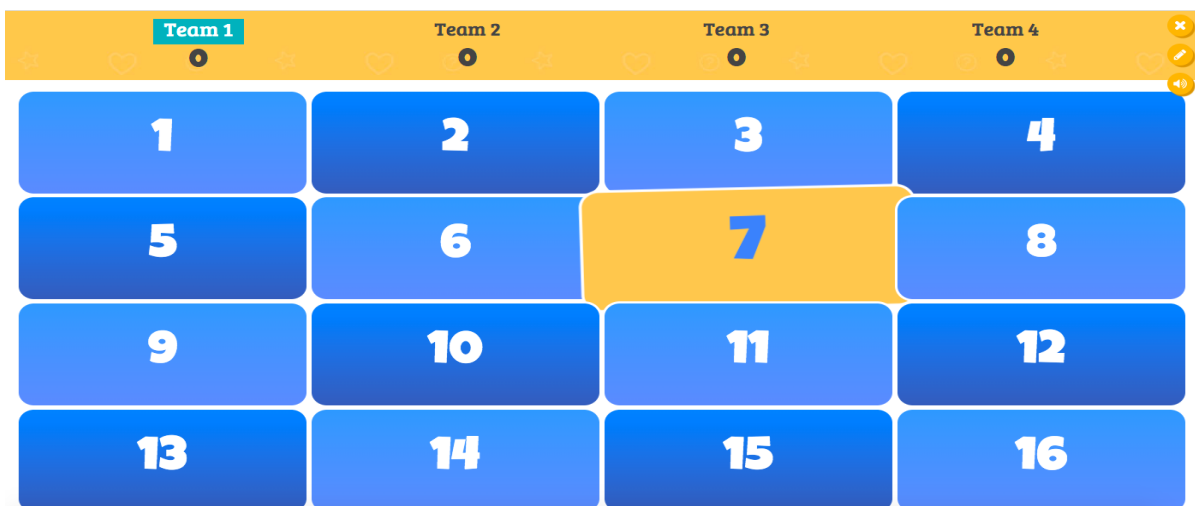


- **Padlet:** Padlet là một ứng dụng Internet miễn phí cho phép mọi người bày tỏ suy nghĩ của cá nhân về một chủ đề một cách dễ dàng. Nó hoạt động như một bảng trực tuyến, nơi mọi người có thể đặt bất kỳ nội dung (ví dụ như hình ảnh, video, tài liệu, văn bản) bất cứ nơi nào trên trang web, cùng với bất cứ ai, từ bất kỳ thiết bị.

- **Quizizz:** *Quizizz* có 2 chức năng chính là tạo bộ câu hỏi trắc nghiệm và là kho lưu trữ các game trắc nghiệm thuộc nhiều chủ đề. Các câu hỏi trắc nghiệm trong Quizizz thuộc nhiều danh mục với cấp độ khác nhau để học sinh thử sức, đánh giá trình độ của bản thân; hoặc giáo viên, phụ huynh có thể truy cập bộ câu hỏi do người khác chia sẻ để sử dụng trong giảng dạy, kèm cặp con em mình. Nhìn chung, Quizizz phù hợp với cả việc học tại nhà và trên lớp



- **Bamboozle:** Có tính năng tương tự Quizizz, Bamboozle là nền tảng game giáo dục miễn phí có thể được sử dụng trực tiếp trong một buổi học. Trang web này có sẵn một thư viện gồm hàng nghìn trò chơi ở mọi môn học. Ngoài ra, công cụ Game Creation Tool cũng cho phép giáo viên tạo ra một trò chơi của riêng mình.



- **Quizlet:** Quizlet là một công cụ học từ vựng trực tuyến bằng cách sử dụng thẻ từ vựng (hay còn được gọi là flashcard). Bằng cách sử dụng Quizlet, người học có thể luyện tập khả năng ghi nhớ từ vựng của mình một cách đơn giản nhưng tràn đầy thú vị hơn là các phương pháp học tập truyền thống như chép tay, học thuộc lòng,...

I. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả là gì?

Tác giả Peter Little, trong cuốn sách “Communication in Business”, xuất bản năm 1965, từng nói “Communication is **a process by which information is transmitted between individuals and/or organizations so that an understanding response results**”.

Hiểu một cách đơn giản, kỹ năng giao tiếp là kỹ năng trao đổi thông tin giữa hai hoặc nhiều bên, có thể qua lời nói hoặc ngôn ngữ cơ thể, nhằm đạt được một mục đích chung nhất định.

Giao tiếp hiệu quả không chỉ là chỉ trao đổi thông tin qua lại. Một người có kỹ năng giao tiếp hiệu quả sẽ hiểu được những cảm xúc, quan điểm, dự định đằng sau thông tin được đưa ra từ phía đối phương, cũng như biết cách khiến người khác cảm thấy được lắng nghe và thấu hiểu.

Nếu không, rất dễ xảy ra tình huống các bên không hiểu rõ ý của nhau, hiểu nhầm, hay mình nói một đằng người kia lại hiểu một nẻo, có thể dẫn đến bất đồng quan điểm hoặc tệ hơn là mâu thuẫn giữa các bên. Để tránh được điều này, chúng ta cần phải học được các kỹ năng giúp mình làm chủ giao tiếp để giao tiếp hiệu quả. Bài viết dưới đây sẽ nói về kỹ năng giao tiếp dành cho giảng viên, giúp việc trao đổi thông tin với học viên trở nên hiệu quả,, giúp xây dựng sự tôn trọng và lòng tin từ cả hai phía, từ đó đem lại lợi ích cho quá trình giảng dạy và học tập.

II. Tại sao bạn chưa giao tiếp hiệu quả?

1. Một số hiểu nhầm về giao tiếp

Giao tiếp là một hoạt động diễn ra hàng ngày, nhưng không phải ai cũng hiểu rõ về nó. Dưới đây là một số hiểu nhầm phổ biến có thể cản trở bạn phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

- **Nhầm tưởng:** Giao tiếp là một hoạt động có ý thức, tự chủ
- **Thực tế:** Giao tiếp là một quá trình vô thức, xảy ra ở bất kỳ thời điểm nào trong cuộc sống

Trong lớp học, giao tiếp giữa giảng viên với học viên không nhất thiết phải là học viên chủ động tìm giảng viên để giải đáp những thắc mắc liên quan đến bài học, hay giảng viên giảng bài, mà giao tiếp còn bao gồm những câu chuyện nhỏ nằm ngoài phạm vi lớp học, những trao đổi về cuộc sống cá nhân giữa hai bên, nhằm mục đích giao lưu, khiến cho lớp học thoải mái hơn.

- **Nhầm tưởng:** Ngôn từ là công cụ giao tiếp duy nhất
- **Thực tế:** Quá trình giao tiếp bị ảnh hưởng rất nhiều bởi các hành vi phi ngôn ngữ

“Action speaks louder than words.”

Như đã nói, ngôn từ không phải công cụ giao tiếp duy nhất. Trong lớp học, cái gật đầu của giảng viên biểu thị học viên đã có câu trả lời đúng, hay học viên gật gù cũng nói lên rằng mình đã hiểu bài. Có rất nhiều hành vi phi ngôn ngữ được sử dụng trong quá trình giao tiếp giữa hai bên, và nếu giảng viên chỉ nói suông mà không nắm bắt tốt những hành vi này, kỹ năng giao tiếp của họ rất khó đạt được hiệu quả như mong muốn.

- **Nhằm tưởng:** Giao tiếp trong lớp học chủ yếu phụ thuộc vào giảng viên, do giảng viên kiểm soát
- **Thực tế:** Giao tiếp là quá trình hai chiều từ cả phía giảng viên lẫn học viên, không ai có quyền kiểm soát.

Có thể dễ dàng nhận thấy, trong buổi học giảng viên không nhất thiết phải là người duy nhất nói, sẽ có những lúc học viên mới là người trình bày quan điểm, và giảng viên là người lắng nghe. Tuy vậy, giảng viên có thể góp phần làm chậm hoặc đẩy nhanh tốc độ của những cuộc hội thoại này, hướng học viên đến những nội dung quan trọng hơn.

- **Nhằm tưởng:** Mỗi thông điệp chỉ có một cách hiểu
- **Thực tế:** Mỗi học viên đều có thể có cách hiểu riêng của mình

Điều này có thể xuất phát từ những kiến thức hoặc phong cách giảng dạy mà học viên đã được tiếp xúc trước đó hoặc tại trường lớp. Khi giảng dạy kiến thức, giảng viên nên đảm bảo rằng những gì mình nói ra đều có thể được hiểu bởi tất cả các học viên, cũng như chú ý hơn đến những học viên thường gặp khó khăn.

Một vấn đề khác của việc này là khi giảng viên đưa ra nhận xét chi tiết, học viên có thể hiểu thông điệp đó theo nhiều cách khác nhau, có học viên sẽ cảm thấy giảng viên thật cẩn thận, kiểm tra bài kỹ lưỡng, có học viên lại cảm thấy giảng viên đang bới lông tìm vết cố gắng bắt lỗi mình. Việc đảm bảo học viên hiểu rõ những gì mình muốn truyền tải rất quan trọng trong việc xây dựng một mối quan hệ lành mạnh, hữu ích giữa hai bên. Từ phía giảng viên, khi trao đổi với học viên, cũng cần nhìn nhận vấn đề từ quan điểm của học viên, từ đó hiểu những gì học viên muốn nói, thay vì áp đặt những trải nghiệm cá nhân và suy nghĩ của mình vào thông điệp đó.

Do mỗi người đều có hoàn cảnh sống và lối sống, cách suy nghĩ riêng, đôi khi hiểu nhầm có thể xảy ra, giảng viên nên lường trước được những tình huống đó và đảm bảo thông điệp mình truyền tải là thật sự rõ ràng, đơn giản, không gây khúc mắc.

2. Rào cản trong giao tiếp

Giao tiếp là một quá trình phức tạp. Bất kỳ lúc nào, quá trình này cũng có thể gặp vấn đề, khiến cho việc giao tiếp trở nên kém hiệu quả. Chẳng hạn như phòng ồn quá, hoặc đang trao đổi qua mạng nhưng đường truyền lại không ổn định. Là giảng viên, để đảm bảo có thể truyền tải thông tin một cách tốt nhất, bạn

nên đề phòng trước những rào cản có thể gây ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp giữa mình và học sinh. Dưới đây là một số yếu tố cần xét đến để đảm bảo giao tiếp được hiệu quả và thuận lợi.

2.1. Thời gian

Thời gian là một yếu tố quan trọng trong giao tiếp. Cuộc trò chuyện giữa hai người sẽ trở nên sâu sắc và có ý nghĩa, thoải mái và không bị vội vã nếu thời gian cho phép. Ngược lại, đây sẽ trở thành một rào cản nếu như lượng thông tin quá lớn. Chẳng hạn như cuối giờ học viên đưa ra câu hỏi nhưng buổi học sắp kết thúc, hay bạn sắp có ca dạy tiếp theo nên không đảm bảo có thể đưa ra một câu trả lời chi tiết và đầy đủ? Nếu bạn cố trả lời nhanh cho xong, học viên có thể không kịp hiểu hết thông tin, có thể không nghe rõ được những phần quan trọng. Hay học viên hỏi quá nhiều, đặc biệt là những câu hỏi không liên quan, làm ảnh hưởng đến thời lượng của buổi dạy?

Ngoài ra, việc giảng viên lên kế hoạch giảng dạy chưa hiệu quả hoặc không theo sát khung kế hoạch đó, dẫn đến *cháy giáo án*, cũng là một ví dụ của việc chưa tận dụng được thời gian trong giao tiếp. Giảng viên và học viên sẽ cùng bị vội trong hoạt động học tập, dẫn đến một số phần kiến thức chỉ được nói qua loa, ảnh hưởng đến chất lượng của buổi học.

Có nhiều cách giải quyết khác nhau mà giảng viên có thể áp dụng, tùy vào từng trường hợp cụ thể. Giảng viên có thể xây dựng một giáo án thật chi tiết, lường trước được những vấn đề có thể xảy ra, ảnh hưởng đến thời lượng của buổi học, và bám sát theo khung thời gian đó, đảm bảo cả lớp không bị quá vội với phần nào. Với những câu hỏi của học viên, giảng viên sẽ cân đối thời gian để trả lời, tùy thuộc vào việc câu hỏi đó có thật sự liên quan, đóng góp cho nội dung buổi học, hay không. Nếu học viên hỏi vào thời gian nghỉ, hoặc giữa 2 ca học, giảng viên có thể nói trước về giới hạn thời gian và gợi ý một khung giờ khác để trao đổi kỹ hơn “*Giờ cô chỉ có 5 phút thôi, vấn đề này khá phức tạp, mình sẽ trao đổi sau nhé*” và đưa ra một khung thời gian cụ thể, để học viên biết là giảng viên có quan tâm và cuộc trò chuyện đó được tôn trọng.

2.2. Môi trường xung quanh

Lớp học có quá ồn để bạn và học viên có thể trao đổi hiệu quả? Hay có quá nhiều điều gây xao nhãng xung quanh? Chẳng hạn như bạn bè trong lớp cười đùa, hay lớp học có quá đông người, học viên có tâm lý e ngại khi phải lên bục giảng với giảng viên trước nhiều con mắt.

Bạn sẽ cần tính đến cả việc môi trường xung quanh không thuận lợi cho việc giao tiếp với học viên của mình, cũng như nghĩ ra những phương án có thể hỗ trợ học viên tốt hơn, chẳng hạn như hẹn học viên đến sớm hơn, khi lớp học còn vắng người – tạo tâm lý thoải mái và môi trường yên tĩnh cho học viên, hoặc hẹn trao đổi qua điện thoại tại nhà, khi mà hai bên đều ở trong một không gian yên tĩnh và thoải mái.

2.3. Đường truyền mạng

Việc trao đổi với học viên qua mạng đã trở nên quen thuộc với hầu hết các giảng viên hiện nay. Vì vậy, giảng viên cũng cần tính đến những vấn đề có thể sẽ gặp phải, làm gián đoạn quá trình giao tiếp với học viên khi hai bên không gặp mặt trực tiếp. Chẳng hạn như khi gửi tài liệu hay chấm chữa bài, giảng viên nên xác định khoảng thời gian bị chậm trễ do đường truyền. Hoặc khi trao đổi qua các cuộc gọi, nên đảm bảo bạn có đường truyền mạng ổn định, tránh làm gián đoạn những thông tin quan trọng, đồng thời đảm bảo rằng phía học viên cũng vậy. Hai bên nên thỏa thuận thời gian trao đổi, và giảng viên sẽ nhắc nhở học viên đảm bảo kết nối mạng đủ ổn định trong suốt thời gian cuộc trao đổi diễn ra.

2.4. Khác biệt văn hoá

Trong quá trình giảng dạy, có thể bạn sẽ gặp rất nhiều đối tượng học viên khác nhau, với văn hoá và lối suy nghĩ khác nhau. Điều này trở nên phổ biến hơn với sự phát triển của các khoá học online, khi một học viên từ Hồ Chí Minh vẫn có thể tham gia một lớp học online tại Hà Nội, hay học viên đang sinh sống và làm việc tại một quốc gia khác. Như vậy, khi giảng dạy và giao tiếp, giảng viên cũng cần xem xét đến những yếu tố như vậy để đảm bảo mình không vô tình xúc phạm đến nền văn hoá nào, hoặc đơn giản hơn là bài học của mình dễ hiểu, phù hợp với mọi học viên.

3. Những điều cần tránh

Cảm xúc tiêu cực	Khi giảng viên lên lớp với những cảm xúc tiêu cực, chẳng hạn như buổi hôm đó nhiều hoặc viên không làm bài tập về nhà, hoặc có nhiều vấn đề khác trong cuộc sống, rất dễ ảnh hưởng đến giao tiếp giữa giảng viên với học viên. Giao tiếp với tâm lý căng thẳng và mệt mỏi sẽ khó có thể đạt được hiệu quả như mong muốn.
Ngôn ngữ cơ thể không đúng	Hoặc khi trao đổi với học viên và học viên đó hiểu sai vấn đề hay chậm trong việc nắm bắt thông tin, có thể trong vô thức, giảng viên sẽ gửi đi những tín hiệu thể hiện rằng mình không đồng tình với quan điểm đó như nhíu mày, lắc đầu hay thể hiện việc sốt ruột đợi học viên nói xong còn sửa như gõ tay lên mặt bàn, khoanh tay hay thở mạnh. Ngoài ra, một số thói quen vô thức như đứng khoanh tay sẽ tạo cảm giác khó gần, khiến học viên khó cởi mở hơn.
Thiếu tập trung	Giao tiếp sẽ khó có thể đạt được hiệu quả tốt nhất nếu giảng viên đang làm nhiều việc cùng một lúc, ví dụ như vừa trao đổi với học viên vừa tranh thủ chấm bài hay làm những việc khác. Trong hầu hết các trường hợp, giảng viên sẽ quá tập trung vào việc còn lại mà không nghe kỹ những gì học viên nói, dẫn đến hiểu nhầm thông tin hoặc khiến học viên cảm thấy không được tôn trọng hay e dè hơn trong việc đưa ra câu hỏi vì cảm thấy giảng viên quá bận rộn, không thể dành thời gian cho mình.
Ngắt lời	Có thể thời gian bị hạn chế, hay giảng viên nghĩ rằng mình hiểu ý học viên rồi, nên xen vào để đẩy nhanh tiến độ cuộc trò chuyện, hoặc học

	viên đang đưa ra một quan điểm mà rõ ràng là sai, nên giảng viên nhận thấy mình cần phải sửa lại suy nghĩ này. Tuy nhiên, giảng viên tuyệt đối không nên ngắt lời khi học viên chưa nói xong. Đừng vội vàng tập trung vào những gì mình cần nói, vì như vậy có thể dẫn đến việc hiểu nhầm giữa hai bên, học viên muốn trình bày một vấn đề nhưng chưa nói xong giảng viên đã xen vào, hiểu nhầm sang vấn đề khác. Như vậy vừa tốn thời gian cả hai bên, vừa có thể ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa học viên và giảng viên, khi học viên cảm thấy mình không được lắng nghe, không được tôn trọng, hay nghĩ rằng giảng viên luôn cho mình là đúng.
--	--

III. Giao tiếp hiệu quả trong lớp học

1. Thuyết trình

Ở mức độ cơ bản nhất, công việc của một người giảng viên là giảng dạy và truyền đạt thông tin về một vấn đề cụ thể. Đây là kỹ năng thuyết trình, là một phần trong giao tiếp, không phải chỉ đơn giản là nhắc lại những gì trong giáo trình đã ghi, mà là tìm cách khiến cho những thông tin đó gần gũi với học viên hơn, làm sao để khiến học viên quan tâm và tham gia nhiều hơn vào bài học.

Mỗi giảng viên sẽ có phong cách giảng dạy khác nhau, có người muốn mình nói – học viên ghi chép và học phần đó sau, có người muốn khiến lớp học sôi nổi hơn, là cuộc trao đổi, thảo luận giữa hai bên. Dù là phong cách nào, điểm chung vẫn là giảng viên cần biết cách chia những phần kiến thức lớn và phức tạp, thành những phần nhỏ, phù hợp với trình độ của học viên hơn, hay sử dụng đa dạng các cách diễn đạt khác nhau sao cho phù hợp với đối tượng mình đang giảng dạy. Như vậy, trước hết, kỹ năng giao tiếp của giảng viên bắt đầu từ việc có kỹ năng thuyết trình tốt, biến những kiến thức khô khan thành thú vị, và nắm bắt được sự chú ý của học viên khi đứng trên bục giảng giảng về lý thuyết.

Các giảng viên có thể tham khảo Bộ tiêu chí đơn giản dưới đây để đảm bảo việc thuyết trình của mình trên lớp diễn ra hiệu quả và chuyên nghiệp:

Check list về kỹ năng thuyết trình

Dễ nghe	Âm lượng đủ to để học viên cuối lớp vẫn nghe được, nhưng không gây khó chịu cho các học viên dãy bàn đầu Không làm bầm, tránh âm ừ quá nhiều khi nói Tốc độ vừa đủ, đặc biệt khi cần học viên ghi chép hay khi học viên đang đọc (giáo trình, slide, bài tập...)
Dễ hiểu	Không dùng quá nhiều từ ngữ chuyên môn, nếu có thì sẽ đưa ra giải thích sao cho phù hợp trình độ học viên, dùng một vài giây ở những từ khoá – thông tin quan trọng Tập trung vào thông tin chính (những chi tiết nhỏ có thể để học viên tự xem lại sau)
Giao tiếp hai	Thường xuyên kiểm tra xem học viên có đang tập trung nghe không hay học viên có gặp khó khăn gì trong việc hiểu không Tránh nói dông dài quá nhiều Chú ý đến biểu cảm và thái độ của học viên để

chiều	điều chỉnh tốc độ bài giảng cho phù hợp
--------------	---

2. Handout

Handout là một phương thức giao tiếp rất phổ biến giữa giảng viên và học viên. Đó có thể là một văn bản được chính giảng viên soạn nên, tổng hợp chi tiết phần kiến thức ngày hôm đó, hay tóm gọn lại những điểm quan trọng học viên cần ghi nhớ, hoặc bài tập được giảng viên biên soạn, tổng hợp, hay những hướng dẫn về việc học viên cần phải làm ở nhà, sau/trước buổi học. Đây chính là tài liệu được học viên lưu giữ và đối chiếu trong thời gian tự học của họ. Vậy, làm sao để giảng viên có thể giao tiếp với học viên một cách hiệu quả qua handout?

Giảng viên có thể tham khảo checklist cơ bản dưới đây để đảm bảo handout của mình truyền tải thông tin một cách hiệu quả nhất.

Checklist về handout

Nội dung	Phù hợp với mục đích (Handout nên ngắn gọn, với những gạch đầu dòng quan trọng nếu mục đích là giúp học viên nhớ được những thông tin mấu chốt. Tuy nhiên, handout lại nên đầy đủ và chi tiết nếu trên lớp giảng viên đã nói về những phần quan trọng nhất, và muốn học viên về nhà nghiên cứu kỹ tài liệu được giao với thông tin, kiến thức đầy đủ hơn) Cập nhật thường xuyên (Giảng viên có thể sẽ sử dụng cùng một handout cho nhiều khoá học. Vì vậy, việc đảm bảo những thông tin đưa ra trong handout là chính xác là cực kỳ quan trọng. Chẳng hạn như có thông tin mới về quy chế của kỳ thi hay bài kiểm tra, hay liệu có phần nào trong handout đã không còn khớp với bài giảng do giảng viên đã thay đổi nội dung bài học.)
Văn phong	Đễ hiểu (Handout có thể là nội dung được tổng hợp từ các nguồn tài liệu khác nhau, nhưng giảng viên không nên bê y nguyên lối hành văn của những bộ tài liệu tham khảo mà nên sửa đổi sao cho dễ hiểu nhất với trình độ học viên. Nên tránh những từ ngữ mang tính chuyên môn quá cao, sửa đổi những ví dụ minh họa sao cho có tính liên hệ mật thiết với đời sống thường ngày và hiểu biết của học viên.) Dấu ấn cá nhân (Mỗi giảng viên đều có phong cách giảng dạy riêng, nên việc handout cũng phù hợp với phong cách giảng dạy đó sẽ giữ cho sự giao tiếp giữa giảng viên và học viên luôn nhất quán trong suốt khoá học)
Trình bày	Logic (Các phần trong handout nên được trình bày theo đúng thứ tự của bài học, và theo từng phần riêng để học viên dễ theo dõi. Nếu buổi học diễn ra theo trình tự A -> B -> C thì handout cũng nên được trình bày như vậy, tránh gây khó hiểu cho học viên khi vừa phải theo kịp bài giảng và thông tin trong handout khi hai cái không cùng một trật tự) Đễ đọc (Nếu giảng viên viết tay handout của mình thì nên đảm bảo chúng dễ đọc, không bị gạch xoá quá nhiều. Hơn nữa cỡ chữ cũng nên vừa đủ, không quá nhỏ, tránh nhồi nhét thông tin thành những đoạn văn dài, dễ gây nhầm chán cho người đọc) Sinh động (Tuỳ vào từng bài giảng, giảng

viên nên kết hợp những bảng biểu, hình ảnh hay biểu đồ minh họa để khiến handout sinh động và bắt mắt hơn. Việc sử dụng cỡ chữ khác nhau và các hình thức in đậm, in nghiêng hay gạch chân cho tiêu đề từng phần cũng là một cách khơi gợi sự chú ý của học viên.)
--

3. Công cụ hỗ trợ

Giờ đây giảng viên có đa dạng lựa chọn trong lớp học, không chỉ bằng mỗi bảng đen và giọng nói. Máy chiếu, TV hay loa âm thanh, các ứng dụng cho phép ghi âm và ghi hình trước,.. Tất cả đều đã và đang được sử dụng rộng rãi trong lớp học, nhằm hỗ trợ việc truyền tải thông tin của giảng viên đến với học viên.

Như vậy, có thể thấy, nếu giảng viên kết hợp sử dụng hình ảnh hay video trong lớp học, khả năng lưu trữ thông tin của học viên sẽ lớn hơn nhiều so với việc chỉ ngồi nghe giảng viên nói hay theo dõi những gì được ghi trong giáo trình.

IV. Lợi ích của việc giao tiếp hiệu quả trong giảng dạy

Người giảng viên có kỹ năng giao tiếp tốt luôn có thể khiến mọi thứ dễ dàng và dễ hiểu hơn, đồng thời hạn chế những cảm xúc tiêu cực mà học viên có thể cảm thấy trong quá trình học tập. Việc giảng viên nuôi dưỡng một mối quan hệ tốt với học viên – thông qua giao tiếp, sẽ cho phép học viên tự do và thoải mái trong việc trao đổi thông tin, đặt ra những câu hỏi, mà không phải cảm thấy xấu hổ hay sợ bị đánh giá.

Giảng viên có kỹ năng giao tiếp tốt cũng sẽ giúp thúc đẩy sự tự tin ở học viên. Nhìn chung, ai cũng muốn được lắng nghe. Nếu giảng viên thể hiện mình quan tâm đến quan điểm và suy nghĩ của học viên, họ sẽ cảm thấy bản thân mình xứng đáng, và tự tin với những ý kiến của mình hơn. Một học viên tự tin sẽ không mất quá nhiều thời gian phân vân khi làm bài, và cũng sẽ ít do dự hơn khi nói trước lớp. Điều này có thể góp phần thúc đẩy sự tham gia của cả lớp vào bài học.

Bằng việc giao tiếp thường xuyên và hiệu quả xuyên suốt tiết học, giảng viên cũng có thể nắm bắt tốt hơn mức độ hiểu bài của học viên. Nếu giảng viên đưa ra câu hỏi mà không có hồi âm, có thể đa số lớp đang không hiểu bài. Hoặc giảng viên cũng có thể yêu cầu học viên đưa ra feedback về bài giảng, về khoá học, ghi nhận những mong muốn và nhu cầu của học viên một cách cụ thể. Tất cả đều nhằm phục vụ quá trình học tập, giúp việc học đạt được hiệu quả cao nhất.

V. Các phương pháp cải thiện kỹ năng giao tiếp hiệu quả

1. Tam giác hùng biện

Giao tiếp giữa giảng viên và học viên có mục đích chính là gây tác động đến học viên. Giảng viên truyền tải kiến thức, tạo động lực, khiến học viên có kết quả học tập tốt hơn, được trang bị kiến thức vững vàng để không chỉ chinh phục kỳ thi mà còn có thể sử dụng những gì mình đã học một cách tốt nhất.

Theo Aristotle, có 3 yếu tố có thể cải thiện khả năng thuyết phục người khác:

(i) Ethos – Tính cách

(ii) Pathos – Cảm xúc

(iii) Logos – Logic

Ethos là địa vị, tính cách của người giảng viên, khiến cho bản thân mình đáng tin cậy. Ngoài ra, ethos cũng là sự uy tín của những nguồn thông tin được trích dẫn bởi giảng viên hay giáo trình, tài liệu được sử dụng. Trong một số trường hợp, ethos còn là danh tiếng của trung tâm mà học viên theo học.

Có hai kiểu ethos với giảng viên: bên ngoài (chuyên môn hay kinh nghiệm của giảng viên) và bên trong (khả năng giao tiếp). Ngay cả khi giảng viên nắm chắc kiến thức mình đang giảng dạy trong lòng bàn tay, nếu bạn lậm bậm, không giao tiếp bằng mắt hay chỉ nhìn xuống dưới khi nói, hay chưa thể hiện được sự tự tin, học viên rất có thể sẽ đặt ra câu hỏi về độ uy tín của họ. Đừng nhầm tưởng rằng bởi vì bạn giỏi về mặt chuyên môn là tất cả học viên đều sẽ bị tác động, đều sẽ làm theo những gì bạn muốn một cách tâm phục khẩu phục. Bạn cần nhiều hơn thế, cần tạo dựng uy tín của chính bản thân mình, ngoài những bằng cấp hay số năm kinh nghiệm, để tạo ra dấu ấn riêng, gây ảnh hưởng đến học viên trong việc thúc đẩy họ học tập.

Pathos là cảm xúc mà người nói, hay thông điệp, muốn khơi gợi được ở người nghe. Bạn kể một câu chuyện về việc không học hành chăm chỉ dẫn đến việc không đạt được mức điểm mong muốn, khiến học viên đồng cảm với câu chuyện đó, sợ kết quả xấu xảy ra, có động lực học hơn. Đó chính là Pathos. Hơn ai hết, giảng viên hiểu rõ rằng tất cả những thông tin quan trọng, những kiến thức hay ho, đều là vô nghĩa nếu chẳng ai quan tâm. Vì vậy, giảng viên cần biết cách khiến học viên hứng thú với những gì mình đang nói. Có thể bắt đầu từ chính đam mê, cảm xúc của giảng viên, hay bằng những ví dụ minh họa gắn liền với học viên. Nói cách khác, giảng viên cần kết nối với học viên nhiều hơn là chỉ những kiến thức trong giáo trình.

Logos là tính logic của thông điệp mà giảng viên muốn truyền tải tới học viên. Bạn có đang giải thích kiến thức một cách dễ hiểu? Điều bạn yêu cầu ở học viên là phù hợp? Giảng viên có thể cải thiện logos của thông điệp bằng cách đưa ra các bằng chứng hay ví dụ minh họa, giúp khẳng định lại quan điểm của mình tốt hơn. Dù vậy, bạn cũng nên chú ý đến trình độ của học viên khi truyền tải thông điệp, việc sử dụng quá nhiều từ ngữ chuyên môn, vượt quá tầm hiểu biết của họ, có thể sẽ lấn át tính logic của thông điệp, khiến bạn thất bại trong việc thuyết phục học viên. Ngoài ra, học viên cũng sẽ có logic riêng của họ, với những gì họ đã tiếp xúc ở trường hoặc xuất phát từ tiếng mẹ đẻ, họ sẽ có những thắc mắc về kiến thức được giảng dạy trên lớp. Giảng viên cần biết cách xử lý những câu hỏi này, có thể đó sẽ là những câu hỏi về những vấn đề với bạn là hết sức đơn giản, nhưng việc giải thích sao cho hợp lý và logic nhất với đối tượng học viên của mình, không phải lúc nào cũng dễ dàng.

Hiểu về kỹ năng hùng biện sẽ giúp ích khá nhiều, vì điều này giúp giảng viên hiểu được vì sao học viên chưa thật sự kết nối được với mình hay tại sao một buổi học lại thất bại trong việc khơi gợi cảm hứng với người học. Để thuyết phục

người nghe, ta thường cố gắng sử dụng kết hợp cả ba yếu tố trên. Trong học thuật, logos và ethos, logic và uy tín, có xu hướng được coi trọng hơn pathos, cảm xúc. Chẳng hạn như một bài luận chỉ dựa trên cảm xúc thì sẽ khó mà được nhìn nhận một cách nghiêm túc. Tuy vậy, trong giảng dạy, nếu giảng viên chỉ đưa ra kiến thức một cách khô khan, học viên sẽ rất dễ cảm thấy nhàm chán. Nhưng nếu bạn đưa ra những quan điểm quá thiên về mặt cảm xúc thay vì tính logic, uy tín của bạn sẽ giảm sút đáng kể. Vì vậy, giảng viên cần khéo léo áp dụng linh hoạt cả ba yếu tố trên, để khiến mình có sức ảnh hưởng nhiều nhất đối với học viên. Trong quá trình giảng dạy, sẽ có học viên phản đối, họ không đồng tình với cách giảng dạy của giảng viên. Chẳng hạn như học viên trình độ thấp đã muốn ôn luyện ngay những bộ đề luyện thi, vì họ nghĩ làm càng nhiều đề càng tốt. Hay họ phản đối kiến thức vì nó trái với những gì họ đã biết trước đó (một cách sai lầm). Lúc này, giảng viên nên khéo léo sử dụng logos để chỉ ra tính logic của phương pháp dạy (trình độ của học viên bây giờ mà làm luôn đề thì sẽ không hiệu quả), pathos để khơi gợi cảm xúc của học viên (làm nhiều đề mà đề nào cũng điểm kém thì sẽ rất dễ nản, thay vì đó mình học dần dần những kiến thức nền, độ khó tăng dần sẽ giúp mình làm quen với các nội dung trong đề hơn, rồi đến khi luyện tập sẽ đạt được hiệu quả tốt nhất), và ethos để khiến học viên tin vào phương pháp của mình, tin vào những gì mình đang nói (trước cô cũng áp dụng phương thức này khi bắt đầu ôn luyện IELTS; các học viên của cô sau khi kết thúc khoá đều cảm thấy đây là cách học đúng đắn; cô giảng dạy bằng cách này là để phục vụ tốt nhất cho quá trình học của lớp mình, làm sao để các bạn có thể đạt được nhiều tiến bộ nhất).

2. Lắng nghe

Khi giao tiếp với học viên, đôi khi giảng viên có thể sẽ không tập trung hoàn toàn vào những gì học viên nói, mà thay vào đó suy nghĩ về những gì mình sẽ nói tiếp theo. Chẳng hạn như học viên đang hiểu sai một khái niệm, giảng viên không tránh khỏi việc suy nghĩ xem làm sao mình có thể sửa lại quan điểm này của học viên, làm sao có thể diễn đạt khái niệm đó theo một cách đơn giản và dễ hiểu nhất.

Tuy nhiên, giao tiếp còn có nghĩa là lắng nghe. Có sự khác nhau rõ ràng giữa việc chú ý lắng nghe và nghe thụ động. Khi thật sự tập trung, bạn sẽ nhận thấy được những điều không nằm trong câu chữ được nói ra, có thể là tông giọng hay cảm xúc của người nói. Học viên đang cần giảng viên đưa ra một câu trả lời đúng sai rõ ràng? Hay đang cần được nói ra quan điểm của mình và muốn biết liệu mình đang đi đúng hướng, muốn tự tìm ra đáp án? Khi tập trung lắng nghe, giảng viên sẽ hiểu rõ hơn thông điệp mà học viên đang muốn truyền tải, cũng như khiến họ cảm thấy được thấu hiểu được tôn trọng, từ đó giúp xây dựng mối quan hệ tốt hơn giữa hai bên.

Giảng viên cũng có thể cho học viên thấy rằng mình không mất tập trung, ngay cả khi học viên nói nhiều và dài, bằng cách tóm gọn lại những gì học viên vừa nói, một cách đơn giản và dễ hiểu, như vậy đảm bảo được mình hiểu đúng ý học viên, cũng thể hiện được sự tập trung lắng nghe của mình.

3. Vị trí trong lớp

Dù đứng, ngồi, hay cúi xuống đối diện với học viên, bên cạnh hay đằng sau học viên, vị trí của giảng viên luôn ngầm gửi đi những thông điệp về hoạt động mà mình đang hướng tới. Sẽ có lúc giảng viên cần là tâm điểm sự chú ý trong lớp, nhưng cũng có lúc giảng viên muốn để cho học viên không gian tự do hơn, để tập trung vào hoạt động đang diễn ra. Tùy vào mục đích của từng phần mà giảng viên nên chọn vị trí, tư thế linh hoạt trong lớp sao cho phù hợp.

3.1. Đứng

Thông thường, giảng viên sẽ đứng trên bục giảng, ở phía đầu lớp học, hướng lời nói của mình xuống bên dưới. Đây là một điều hoàn toàn bình thường, do đó là vị trí nhận được nhiều sự quan tâm, chú ý nhất từ cả lớp. Đây là tư thế giảng viên nên sử dụng khi đưa ra chỉ dẫn hay giảng những phần lý thuyết quan trọng. Một số giảng viên có kinh nghiệm có thể sẽ biết cách thu hút sự chú ý của một tập thể lớp ngay cả khi ngồi, tuy nhiên vẫn tồn tại rủi ro những bạn học viên ngồi xa hay ngồi cuối không nhìn rõ giảng viên, sẽ mất tập trung, ảnh hưởng đến việc truyền đạt kiến thức hay giao tiếp giữa hai bên.

3.2. Ngồi

Việc bắt đầu lớp học khi đang ngồi, có thể tạo ra bầu không khí thoải mái và thân thiện, khi học viên vào lớp không lập tức phải ngước lên nhìn giảng viên đang đứng ở một vị trí cao hơn (trên bục giảng), hay hai bên không phải đối mặt nhau (không có bục giảng). Tuy nhiên nếu giảng viên chỉ ngồi một chỗ xuyên suốt cả buổi học, học viên có thể sẽ cảm thấy giảng viên không hứng thú với tiết học, và điều này sẽ tạo ra một buổi học nhàm chán, thiếu năng lượng, do giảng viên – người truyền tải năng lượng cho cả lớp, lại thụ động. Giảng viên chỉ nên ngồi khi đó là vị trí trung tâm, cho phép mình tiếp cận với các nhóm học viên xung quanh một cách công bằng, thay vì vị trí đầu lớp – thường chỉ đối diện được một số hàng ghế đầu. Ngoài ra, khi cho học viên thời gian thảo luận, làm việc theo cặp, theo nhóm, giảng viên cũng có thể ngồi một chỗ quan sát để tránh làm xao nhãng các bạn trong lớp.

3.3. Di chuyển

Tuy nhiên, giảng viên cũng nên cân nhắc di chuyển xung quanh, và mở rộng phạm vi bước chân của mình. Chẳng hạn như khi có học viên đặt ra câu hỏi, giảng viên nên đến gần bàn học viên đó hơn, hoặc đôi khi là đến gần hơn với những học viên mà thường hay im lặng, không hay thể hiện quan điểm của mình. Khoảng cách gần có thể góp phần giúp giảm bớt căng thẳng, khuyến khích học viên trao đổi nhiều hơn, tự tin hơn trong việc đưa ra ý kiến cá nhân – một điều mà việc phải nói lớn giữa đám đông có thể đem lại áp lực. Hơn nữa, việc giảng viên không đứng yên một chỗ xuyên suốt cả buổi học, cũng giúp học viên thay đổi điểm tập trung, vì nhìn mãi vào một chỗ có thể sẽ gây cảm giác nhàm chán.

3.4. Một số vấn đề với vị trí đứng

3.4.1. Giao tiếp giảng viên với lớp

Vấn đề	Nguyên nhân	Giải pháp
Học viên không tập trung, bỏ lỡ chỉ dẫn hoạt động, không theo kịp bài học.	Giảng viên ngồi một chỗ hay đứng về một bên lớp học – không bao quát được cả lớp	Đứng ở vị trí trung tâm đảm bảo quan sát được cả lớp, giao tiếp bằng mắt đều với mọi học viên

3.4.2. Giao tiếp giữa học viên trong nhóm/cặp

Nguyên nhân

Giảng viên ở quá lâu trong một nhóm

Vấn đề: Học viên hoạt động nhóm/cặp không hiệu quả.

Sẽ có những lúc mục đích của hoạt động là để học viên tự tìm ra câu trả lời, nhưng nếu giảng viên luôn bên cạnh sẵn lòng trả lời hết các câu hỏi thì sẽ xuất hiện một số học viên chưa chủ động làm việc, hay việc có giảng viên sát bên khiến học viên cảm thấy bị lấn át, không có không gian tự do giao tiếp.

Hoặc các nhóm còn lại sẽ không có được sự hỗ trợ từ giảng viên, dẫn đến tốc độ làm việc nhóm bị chậm lại, hoặc dừng hẳn.

Giải pháp

Giảng viên chia nên đều sự chú ý của mình cho các nhóm, chẳng hạn như hoạt động đầu tiên giảng viên sẽ hỗ trợ nhóm 1 2, hoạt động sau hỗ trợ nhóm 3 4.

4. Đưa ra nhận xét

4.1. Tích cực

Việc đưa ra những nhận xét tích cực, ghi nhận sự cố gắng và cải thiện của học viên là rất quan trọng, giúp thúc đẩy việc giao tiếp hiệu quả trong lớp học. Khi nhận được những lời khen, học viên sẽ cảm thấy tự tin hơn, có thêm động lực cố gắng hơn, có thêm niềm tin vào bản thân, giúp giảm bớt tâm lý e ngại sợ khó. Nếu giảng viên luôn quá chú trọng vào việc nhắc nhở, đưa ra hình phạt với những hành động không tốt trong lớp, học viên sẽ rất dễ bị nản lòng, lâu dài có thể dẫn đến việc không muốn cố gắng, khi đã *quen* với việc nhận được những nhận xét tiêu cực. Tuy nhiên nếu những feedback tích cực được đưa ra quá thường xuyên hay không có mục đích rõ ràng, giao tiếp giữa giảng viên và học viên cũng trở nên kém hiệu quả. Hoặc học viên sẽ quá phụ thuộc vào những lời khen đó, mà không tự giác học hay làm bài.

Ngoài ra, giảng viên cũng có thể rèn luyện học viên trong việc đưa ra feedback cho bạn học của mình. Điều này giúp phát triển kỹ năng giao tiếp của chính các bạn học viên trong lớp, giúp họ tập trung lắng nghe, học hỏi từ những bạn cùng lớp, giữ cho lớp học luôn sôi nổi, chia đều sự chú ý cho các thành viên trong lớp, thay vì mỗi giảng viên.

Điều quan trọng của feedback là tính chi tiết và cụ thể, chẳng hạn khi học viên đưa ra một câu trả lời speaking tốt, thay vì chỉ khen “Rất tốt”, giảng viên nên

chỉ rõ ra điểm nào của câu trả lời đó đang đáng được khen ngợi. Ví dụ như học viên có dẫn chứng làm rõ luận điểm của mình, từ vựng được sử dụng đa dạng, cấu trúc ngữ pháp linh hoạt và chính xác. Như vậy, học viên sẽ biết được những điểm mạnh của mình ở hiện tại và biết nên tiếp tục phát huy chúng ra sao trong tương lai.

4.2. Tiêu cực

Những feedback tiêu cực không nhất thiết phải đồng nghĩa với việc chê bai hay hạ thấp học viên. Nếu sử dụng đúng lúc và phù hợp, những nhận xét này vẫn có thể đóng góp tích cực vào quá trình học của học viên. Chẳng hạn như khi học viên có những biểu hiện không phù hợp trong lớp học, như nói chuyện riêng hay mất tập trung, giảng viên hoàn toàn có thể nhắc nhở, phê bình. Hoặc học viên lười học, gian lận hay làm bài ẩu dẫn đến điểm kém, việc giảng viên cần làm là đưa ra những lời nhận xét thẳng thắn, để học viên tự nhận thức được lỗi sai của mình, đảm bảo không tái phạm lần sau.

Một điều cần lưu ý với việc đưa ra phê bình với học viên là giải pháp, thay vì chỉ nói ra lỗi sai của học viên, bạn nên đưa luôn giải pháp, để học viên biết giảng viên đang giúp đỡ họ trở nên tốt hơn, thay vì cảm thấy bị công kích, nghĩ rằng giảng viên đang chỉ trích mình. Hơn nữa, hãy cố gắng tập trung vào hành vi, thay vì đối tượng thực hiện. Nhấn mạnh rằng đó là hành vi sai trái, không phù hợp, để người mắc sai lầm, cũng như toàn bộ thành viên trong lớp, ý thức rõ hơn về trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong việc học.

4.3. Hai chiều

Để tạo ra một môi trường thoải mái và minh bạch, giảng viên cũng nên trao cho học viên cơ hội đứng đưa ra feedback về chính giảng viên và khoá học. Điều này thể hiện rằng giảng viên tôn trọng và đề cao cảm nhận của học viên xuyên suốt quá trình học. Việc nhận được những feedback mang tính đóng góp của học viên cũng giúp giảng viên có thể nhìn nhận lại phương pháp giảng dạy của mình và đưa ra chỉnh sửa nếu cần thiết, sao cho phù hợp nhất với nhu cầu và trình độ hiện tại của lớp.

Giảng viên có thể tham khảo các cách ghi nhận feedback của học viên cũng như các yếu tố nên xuất hiện trong phiếu khảo sát trải nghiệm.

5. Ngôn ngữ cơ thể

“Your body communicates as well as your mouth. Don’t contradict yourself”

Ngôn từ có sức mạnh rất lớn, tuy nhiên các cử chỉ và hành động của giảng viên cũng quan trọng không kém. Nếu sử dụng đúng, kết hợp được ngôn từ và cử chỉ, giao tiếp của giảng viên sẽ mang tính đồng điệu cao và có tầm ảnh hưởng lớn hơn rất nhiều so với việc đứng im và nói.

Ngôn ngữ cơ thể trong giảng dạy bao gồm đa dạng các hành vi như gật đầu biểu thị học viên có câu trả lời đúng, cúi xuống với bàn học viên thể hiện vị trí ngang bằng, giảng viên không lấn át học viên hay giao tiếp bằng mắt khi nói thể hiện

giảng viên đang quan sát và quan tâm đến học viên thay cho việc đứng nói một mình, không thể hiện sự quan tâm. Ngôn ngữ cơ thể tích cực có khả năng truyền cảm hứng, thúc đẩy học viên tham gia nhiều hơn vào buổi học, cho họ cảm giác an toàn và tự tin khi trình bày quan điểm của mình. Đồng thời, giảng viên cũng thoải mái và tự tin hơn trong giảng dạy.

Dưới đây là một số gợi ý về ngôn ngữ cơ thể giảng viên có thể cân nhắc sử dụng trong lớp học của mình:

Giao tiếp bằng mắt	Ngoài việc nhìn bao quát lớp, xung quanh phòng, đôi khi bạn cũng nên cố định ánh nhìn của mình ở một vài học viên cụ thể, điều này tạo cho họ cảm giác bạn đang giao tiếp một cách trực tiếp với họ, và họ sẽ tập trung hơn. Bạn có thể nhìn mỗi học viên khoảng 15 – 30 giây trước khi chuyển sang học viên khác.
Sử dụng tay linh hoạt	Vỗ tay khi học viên đưa ra câu trả lời đúng Đưa tay ra, về phía học viên biểu thị đang yêu cầu một câu trả lời. Khi mời học viên lên bảng hoặc trả lời câu hỏi, bạn cũng nên đưa cả bàn tay thay vì chỉ trỏ bằng một ngón tay, điều này khiến học viên cảm thấy được tôn trọng hơn. Vẫy tay khi học viên trả lời sai (vẫn giữ nụ cười, không để học viên cảm thấy nặng nề khi nói sai) Đưa/nâng hai tay lên khi học viên trả lời đúng (biểu thị đã tìm ra câu trả lời)
Sáng tạo	Đưa tay lên cằm và nghiêng đầu, nhíu mày khi suy nghĩ về một câu hỏi bạn vừa đưa ra cho cả lớp để kích thích trí tò mò, thúc đẩy họ tìm ra câu trả lời Sử dụng biểu cảm ngạc nhiên bạn vừa giải thích một kiến thức mới, giúp biến kiến thức đó trở nên thú vị hơn. Bạn cũng có thể bắt chước biểu cảm của học viên, để khiến họ cảm thấy được chú ý. Chẳng hạn bạn đưa ra câu hỏi và học viên lắc đầu không hiểu, bạn có thể lắc đầu theo và hỏi “Khó quá nhỉ, để cô giải thích lại nhé!” Học viên lớn hơn có lẽ sẽ không quá hào hứng với high five nữa, nhưng bạn vẫn có thể sử dụng những chiếc bắt tay thể hiện sự thành công. Đưa ra một câu hỏi khó và bắt tay học viên trả lời đúng, cho họ cảm giác tự tin, <i>mình vừa đạt được một thành tựu</i>

Ngoài việc kiểm soát ngôn ngữ của bản thân, giảng viên cũng có thể chú ý đến những gì mà học viên thể hiện. Lời nói có thể đánh lừa nhưng ngôn ngữ cơ thể thì rất khó để nói dối, do loại hình giao tiếp này thường được thực hiện trong vô thức. Học viên có chú ý đến chuyển động của bạn trong lớp? Họ chăm chú lắng nghe và nhìn bạn, thì thoảng gật đầu – hay họ nhìn xung quanh lớp, đôi khi quay sang bạn với vẻ mặt đờ đẫn? Giảng viên có thể chú ý đến ngôn ngữ hình thể của học viên để tìm hiểu xem học viên đó đang cảm thấy nhàm chán, hay khó hiểu, cũng như biết được khi nào học viên đang nhiệt tình và tự tin, để từ đó điều chỉnh lại tốc độ bài giảng hoặc nội dung giảng dạy sao cho phù hợp.

Kỹ năng giao tiếp đóng vai trò chủ chốt trong việc tương tác với học viên, vì vai trò của giảng viên bao gồm chia nhỏ những phần kiến thức lớn, khiến học viên dễ hiểu hơn, quản lý lớp học một cách hiệu quả bằng việc đưa ra những yêu cầu,

khơi gợi sự hứng thú của học viên đối với môn học hay đưa ra những nhận xét giúp họ phát triển nhiều hơn. Tất cả những điều này đều yêu cầu giảng viên phải có kỹ năng giao tiếp tốt. Về phía học viên, họ sẽ có cải thiện trong học tập, sẽ chú ý nhiều hơn đến bài học nếu giảng viên sử dụng linh hoạt các ngôn ngữ cơ thể, lắng nghe và giải đáp những thắc mắc của họ, đưa ra những thông điệp rõ ràng và dễ hiểu để họ làm theo.

Dưới đây là một checklist ngắn giảng viên có thể tham khảo để kiểm tra xem mình đã sử dụng được những phương thức nào trong giao tiếp hiệu quả:

Bảng kiểm (Check list) về giao tiếp hiệu quả

1	Thiết lập một mối quan hệ tích cực, tôn trọng lịch sự, (thân thiết) với học viên	
2	Khuyến khích học viên thay vì kiểm soát	
3	Khi trao đổi, tránh hạ bệ học viên mà hướng đến những khía cạnh tích cực hơn	
4	Nếu có thể, luôn suy nghĩ kỹ về những gì mình sẽ nói trước khi lên tiếng	
5	Gọi học viên bằng tên riêng hoặc biệt danh (nếu phù hợp)	
6	Khi đưa ra chỉ dẫn, luôn ưu tiên có được sự chú ý của toàn bộ học viên trước	
7	Trò chuyện, trao đổi với phong thái điềm đạm, từ tốn	
8	Duy trì giao tiếp bằng mắt với tất cả học viên trong lớp	
9	Hạn chế tối đa việc xao nhãng, mất tập trung trong lớp	
10	Đưa ra lí do vì sao bài học/buổi học lại quan trọng	
11	Để học viên biết giảng viên cố gắng vì lợi ích tốt nhất của họ	
12	Dùng những câu hỏi nhỏ để khiến học viên tham gia nhiều hơn vào bài học và nắm bắt mức độ hiểu bài của học viên	
13	Cố gắng sử dụng những ví dụ minh họa có liên quan đến học viên	
14	Tránh nhắc đến những vấn đề riêng của học viên trước lớp nếu điều đó có thể khiến họ không thoải mái	
15	Khen ngợi, ghi nhận việc học viên có cố gắng, chăm chú nghe giảng	